

SỐ 1820

PHẬT DI GIÁO KINH LUẬN SỐ TIẾT YẾU

- Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la thập
vào thời Diêu Tần dịch, Sa-môn Tịnh Nguyên
ở Tấn Thủy tiết yếu.
- Sa-môn Chu Hoằng ở Vân Thê Bổ Chú.

Giải thích kinh này chia ra hai phần:

- Nói chung nghĩa kinh.
- Giải thích riêng văn kinh.

1. Nói chung nghĩa kinh:

Hóa chế bày lẫn nhau, giới định đều nêu. Vĩ đại thay kinh Di giáo. Tuy xét mâu nhiệm giải thích khai hóa dẫn dắt làm hành nghiệp, không sâu xa như luận Mã Minh. Cho nên Luận chủ phát huy Di giáo, cũng như Ngài Long Thọ khai sáng Đại phẩm. Kia thì dung Hữu tức là Không. Đây thì nêu luận để giải thích định, cho nên nửa đêm xướng ba lần “Viên giới châu” để nghiêm thân, Thượng Sĩ Thất khoa thấu nhuần pháp nhũ để kéo dài mạng mạch. Đã ít lỗi thì ít hối hận.

Hai thừa nhờ đó được thành công, tức sự tức tâm, Ba thừa nhờ đây được quả mãn, chẳng phải bậc Chí thánh sau cùng để lại khuôn phép, thì đâu thể đạt đến chỗ này.

Khi xưa, Pháp sư La-thập dịch kinh, Tam Tạng Chân đế tiếp tục dịch luận, cho nên được vua Thái Tông đời Đường ban sắc lệnh. Nhớ mãi thánh giáo suy nghĩ mở mang giáo pháp sâu rộng, nhưng lời thuật nhiều mới chuyên tải hết được. Sáng ngời như mặt trăng, mặt trời trên hư không, giúp thấy được muôn vật. Như xưa kia bậc hiền giải thích kinh, dù có chương cú nhưng trải qua thời gian quá lâu, ít có người

truyền bá. Gần đây có Tôn giả Cô Sơn nương kinh thuật số, phần lớn tôn trọng Thiên Thai giáo lý, liền nêu tông nhưng không học, hay Luật Sư Chân Ngộ dùng luận Bồ Chú thích kinh. Dù không mất gốc nhưng vẫn còn giữ bản Phạn, Hoa ngữ dịch còn thiếu.

Tịnh Nguyên từ lâu đã buồn vì văn này lưu thông chưa đủ, do đó, phương thức chỉ dạy dịch kinh, luận và biên tập lời mâu nhiệm của các nhà ngô hầu con cháu đời sau đều chịu ơn.

Bổ Bồ Chú:

Phẩm Tựa ở trước chép: giải thích kinh này chia làm hai:

1. Nghĩa chung và tựa chung.

Giải thích văn kinh riêng. Phương pháp và chia khoa thích hợp, bản xưa không có, nay bổ sung vào.

Nói về tiết yếu: Kinh này có luận, có Số. Sự Tịnh Nguyên toát yếu luận số để hoàn thành “Bổ Chú”.

2. Giải thích riêng văn kinh: Ba phần đầu giải thích tên tựa đề, hai là nêu ra người dịch, ba là giải thích văn nghĩa.

Giải thích tên tựa đề:

Kinh Phật Di-Gáo: gồm có hai tên chung và riêng. Phật Di Giáo là tên riêng, kinh là tên chung.

Tiếng Phạm là: Phật-đà, Hán dịch là Giác, nghĩa là bậc thầy rõ được tánh tướng. Có ba nghĩa:

Tự giác: Biết được tâm mình vốn không sinh diệt.

Giác tha: Biết tất cả pháp đều là Như.

Giác mãn: Giác lý tròn đầy gọi là Mãn.

Nếu theo Luận Khởi Tín cũng nói ba nghĩa:

Thủ giác: là trí năng chứng.

Bản giác: là lý sở chứng.

Cứu cánh giác: là trí và lý thâm hợp, thủ, và bản không hai.

Lại Luận Phật Địa quyển một chép:

Phật có mười nghĩa, nhưng sợ rườm rà nên không dẫn.

Di giáo: Tức để lại những lời chỉ bảo để chỉ dẫn cho các Bồ Chúng sinh có căn cơ, để Bồ Chúng sinh thực hành theo Phật.

Kinh: Tiếng Phạm là Tu-đa-la, xưa dịch là khế kinh. Dịch đúng là Tuyến, Trung quốc không thích gọi là Tuyến, nên giữ chữ Kinh.

Luận Phật Đại chép: Vì có công năng xuyên suốt, bao gồm tất cả nên gọi là Kinh. Vì lời dạy của Phật nói nghĩa là thích hợp tất cả và giáo hóa tất cả Bồ Chúng sinh.

Cũng gọi là kinh Phật thù Niết-bàn lược thuyết Giáo Giới, nhưng

trong đề kinh thì nêu cả người và pháp, nay tên riêng này cũng như vậy. Nhưng rộng lược có khác nhau.

Niết-bàn là âm Phạm, đời Tần dịch là “Diệt độ”, Hán dịch là nghĩa viên tịch. Nghiên cứu các vô Duy thức có bốn thứ Niết-bàn:

1. Niết-bàn tự tánh thanh tịnh.
2. Niết-bàn hữu dư.
3. Niết-bàn vô dư.
4. Niết-bàn Vô trụ.

Thông thường chia văn chọn chữ để nói, nghĩa cũng có hai: nghĩa là Phật giáo giới, đạo truyền rộng, đức bủa khắp tức là hữu dư. Nhưng thùy Niết-bàn thân nguôi trí diệt tức là vô dư.

Bổ Bồ Chú:

1. Thùy lâm: là Thùy niết-bàn giống như lâm lời nói lúc rất quan trọng nên. Người đời lâm chung là nói di Bồ Chú hướng chi cha lành của bốn loài sanh để lại lời dạy bảo lúc sắp nhập diệt, con cháu bỏ mặc lời di Bồ Chú của người trước, Bồ Chúng sinh quên lời di giáo của Phật đều gọi là đại nghịch, sao không cẩn thận những điều này.

2. Nêu tên người dịch:

Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la thập đời Diêu Tần dịch. Diêu Tần tức là hậu Tần, họ Diêu tên Hưng. Gọi đủ là Cưu-ma-la-thập-bà, Hán dịch là Đồng Thọ. Vì tuổi Đồng tử mù có trí của người già, ngài phiên dịch và giảng kinh, luận, có công đức rộng lớn sâu dày, nói về văn truyện, tường thuật rõ ràng về người dịch, Chu Lễ Thụ Quan Ty Quán nói:

Vị quan coi về ngôn ngữ phương Bắc gọi là dịch.

Bổ Bồ Chú: Giải thích tên đề dưới nêu có. Xuất xứ người dịch khoa cũ không có, nay bổ sung thêm.

3. Giải thích nghĩa, văn từ phần đầu tựa ở đến bảy ly chủng v.v... phần vô ngã, nương vào văn luận đại khoa của Tổ Mã Minh chia thành bảy:

1. Phần tựa.
2. Phần tu tập công đức thế gian.
3. Phần thành tựu công đức của bậc đại nhân xuất thế gian.
4. Phần nói về công đức sâu xa rốt ráo.
5. Phần nói về nhập chứng quyết định.
6. Phần phân biệt chưa chứng nhập bậc Thượng Thượng để

nghi.

7. Lià các thứ tự tánh thanh tịnh vô ngã.

Nhưng văn các kinh thường nói ba phần:

1. Phần tựa.
2. Phần Chánh tông.
3. Phần Lưu thông.

Nhưng phần tựa có khác nhau về phần chứng tín phát khởi. Nay kinh chỉ có phần phát khởi chánh tông, mà không có chứng tín lưu thông. Như tâm kinh Bát-nhã, nghĩa đều quy về một, nay lại thuật Bồ Chú. Dịch từ Phạm sang Hán, phát huy từ nói nghĩa, phần nhiều ghi văn số của ngài Cô Sơn. Hệ dịch Ma-ha-diễn thì Hán dịch là Đại thừa đều y theo ý chỉ luận Khởi Tín, hoặc có nói Bồ Chú và khoa chung, dẫn văn để làm chứng, thì có lược bớt và sửa đổi, cho đến phân tích giáo được tinh yếu, lại dẫn lời dạy của Tổ làm giáo lượng chính.

1. Phần tựa: Thành tựu công đức rốt ráo của Pháp sư.
2. Khai môn thành tựu công đức rốt ráo.
3. Đệ tử thành tựu công đức rốt ráo.
4. Thành tựu tướng công đức chung rộng lớn.
5. Thành tựu công đức rốt ráo tự tướng nhân quả.
6. Phân biệt thành tựu công đức tướng chung rốt ráo.

a. Pháp sư thành tựu công đức rốt ráo:

Đức Phật Thích Ca Mâu-ni. Thích-ca, Hán dịch là họ Năng nhân, Mâu-ni dịch là Tịch mặc, là tự. Cho nên Luận Mã Minh chép:

Năng nhân là dòng họ quý tộc, là tướng riêng. Tịch Mặc là tự thể thanh tịnh, là tướng chung. Chung và riêng chỉ có Đức Phật mới đạt được những điều này, là một trong mười hiệu. Cho nên Năng Nhân theo sự là riêng, Tịch mặc theo lý là chung. Phật có đủ cả chung và riêng nên lý sự đều dung thông, chỉ có Ngài là bậc Đại giác, cho nên là bậc Đại giác Pháp sư.

Bổ Bồ Chú: Các kinh kết tập đều chép: “Tôi nghe như vậy, để dứt ba điều nghi ở đây, vì sao lấy Đại giác làm Đại pháp sư?”.

Bổ Bồ Chú: Các kinh kết tập đều nói: “Tôi nghe như vậy, để dứt ba điều nghi, ở đây vì sao không phải như?”.

Đầu tiên gọi là Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật chẳng tự xưng thì chẳng phải Phật trùng khởi.

1. Dứt nghi: Nói Thích-ca tức chẳng phải từ phương khác đến.
 2. Dứt nghi: Nói Thích-ca thì chẳng phải ngài A-nan thành Phật.
 3. Dứt nghi: Thay đổi biến cách nhưng vẫn hợp với thường.
- Khai mở pháp môn thành tựu công đức rốt ráo
Phật lần đầu xoay bánh xe pháp độ A-nhã Kiều-trần-như. Phật lúc

mới thành đạo, ba lần xoay bánh xe pháp Bốn đế tại vườn nai. Pháp là khuôn phép. Luân là bánh xe của đế vương, từ ví dụ này có tên. Nếu nói theo Pháp, thì hàng phục hết chướng ngại phiền não, nên gọi là xoay bánh xe pháp. Luận Câu-xá cũng gọi là phạm luân, là chỗ xoay bánh xe pháp Đại phạm của Như lai. Đại số chép:

Truyền nói viên thông gọi là bánh xe Từ mình đến người gọi là xoay. Trần-như: dịch là Hỏa khí là họ, A-nhã, Hán dịch là vô tri, là tên. Nhưng kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: “Năm anh em Kiều-trần-như: Một là Trần Như, hai Át-đệ, Ba Bạt-đề, bốn là Thập-lực Ca-diếp, năm là Ma-ha-câu-lợi. Nay chỉ nói về bậc thượng thủ thì gồm bốn vị còn lại. Nhưng thành tựu pháp môn này, thì đầu tiên xoay bánh xe pháp, sau cùng nói pháp, độ được đệ tử sau cùng là Trần Như Bạt-đà, nhưng sự khéo léo của Thánh trí là cách cú, phối hợp với nghĩa.

a. Công đức đệ tử thành tựu rốt ráo.

Sau cùng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la, luận này y theo vào pháp Bạch tịnh có hai giải thích, câu này gọi là pháp Niết-bàn bạch tịnh, câu trên xoay bánh xe pháp lần đầu là Bạch tịnh pháp ở đạo tràng. Tu-bạt-đà-la, Hán dịch là Hảo Hiền, hoặc Thiện Hiền, là tên của một ngoại đạo. Ở thành Câu-thi-na một trăm hai mươi tuổi, nghe Phật nhập Niết-bàn bèn đến chỗ Phật nghe tám thánh đạo, tâm ý được khai ngộ liền chứng sơ quả. Sau xuất gia với Phật, được nghe Ngài nói rộng về Bốn Đế, liền chứng A-la-hán.

b. Công đức cuối cùng thành tựu tướng chung lớn:

Người đáng độ đã độ hết, nghĩa là trong khoảng đó độ người vô lượng, cho nên khoa này là tướng chung lớn..

Bổ Bồ Chú: Khoảng giữa đã độ vô lượng thì người ngộ đạo không ít. Đầu tiên là Kiều-trần-như, sau cùng độ Tu-bạt-đà-la. dường như chỉ là Tiểu thừa, nhưng trên thực tế gồm cả Đại thừa.

c. Công đức cuối cùng thành tựu tự tướng nhân Quả

Ở giữa hai hàng cây Ta-la, lúc sắp nhập Niết-bàn, khi ấy giữa đêm vắng lặng không tiếng động.

Nhân đến song thọ, sau đó thị hiện nhập diệt. Cho nên Luận chép: là tự tướng. Sa-la, Hán dịch là kiên cố, Song Thọ: Cành trên tiếp nối với gốc dưới. Một tươi, một khô, kết hợp với nhau, nối liền với lý. Tươi khô giống như nương nhau, hoa giống như hoa sen, trái to như cái bình, vị cây ngọt như mật. Theo kinh Niết-bàn: Thì bốn phương mỗi phương hai bên biểu hiện bốn đức, để phá tám thứ điên đảo. Nếu văn nương vào ba quyển kinh loại dương như chỉ có một hàng để phá đoạn thường. Ở đây

cũng nói lên căn tánh Đại thừa, Tiểu thừa đã thấy mỗi mỗi khác nhau. Sắp nhập Niết-bàn: Sắp nhập là nhân, Niết-bàn là quả, cho nên Luận chép: nhân chung, quả là tự tướng.

Ở trên nói song thọ, nếu biểu hiện bốn đức, tức là vô trụ Niết-bàn. Nay văn đã bỏ hữu dư vào vô dư. Nói nửa đêm là thành tựu hai thứ Trung đạo, cho nên Luận chép: là: Tự tướng chung.

1. Chánh giác Trung đạo.
2. Lìa chánh giác Trung đạo.

Cho nên biết nửa đêm nhập diệt là nói lên lìa hai thái cực đoạn và thường. Vắng lặng không tiếng động, đã lìa Chánh giác Trung đạo, cho nên Luận chép: là: Quả tự tướng. Tịch nhiên: Tự tánh lìa niệm. Vô Thanh: Tự tánh vô thuyết. Tức là tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, tâm và lời không đến nhau, cũng là quả lìa niệm Niết-bàn tự tánh vô thuyết của luận này.

Bổ Bổ Chú:

1. Lìa đoạn thường.
2. Cũng không trụ lìa đoạn thường. Không trụ lìa đoạn thường tức là lìa Trung đạo, đây là tự tướng quả Phật.

d. Phân biệt công đức tướng chung thành tựu rất ráo.

Lược nói pháp yếu cho các đệ tử

Quyển thuộc thượng thủ, nhân vị khác nhau, các: là không phải một. Học sau thầy, gọi là đệ tử, hiểu biết từ thầy sinh gọi là Tử.

Sơ lược về pháp yếu:

Địa vị pháp khác nhau của thế gian và xuất thế gian. Phần thứ hai văn dưới tức là pháp thế gian, từ thứ ba đến thứ bảy đều là pháp xuất thế gian.

Bổ Bổ Chú:

Sơ lược về pháp yếu: Sắp nhập Niết-bàn không còn gặp lại nữa đêm là thời gian không còn nhiều, cho nên chỉ nói sơ lược. Chỉ những lời trích ra chính yếu này, nên người nghe phải hết lòng. Hai là tu tập công đức thế gian, chia làm ba:

1. Công đức đối trị tà nghiệp.
2. Công đức đối trị dứt khổ.
3. Công đức đối trị dứt trừ phiền não, tức là ba chương khổ là báo chướng, còn lại hai thứ như văn có nói. Tu đối trị này là lìa bốn đường, chưa ra khỏi ba cõi, là nói chung về công đức thế gian.

Công đức đối trị tà nghiệp: Nương theo giới thanh tịnh căn bản.

- Dùng giới thanh tịnh làm phương tiện xa lìa.

- Kết hợp nói hai giới sinh ra định, tuệ.
- Nói riêng.
- Khuyến tu lợi ích của giới.

1. Nương theo giới thanh tịnh căn bản.

Này các Tỳ-kheo! Sau khi ta diệt độ phải cung kính tôn trọng Ba-la-đề-mộc-xoa. Như đi trong đêm tối gặp đèn sáng, như người nghèo được của báu, nên biết giới là Đại sư của các thầy, như ta ở đời không khác.

Tiếng Phạm là Tỳ-kheo, Hán dịch có ba nghĩa: một là bố ma, hai là khát sĩ, ba là phá ác. Luận chép; trong kinh này mỗi lần nói về Tỳ-kheo là thị hiện tướng xa lìa. Lại nói về phương tiện đạo của Đại thừa và Hai thừa chung. Lại ở trong bốn Bồ Chúng cũng đồng hạnh xa lìa. Theo là ba tướng lớn Thế, Tướng, Dụng. Thừa là xe chở pháp của Chư Phật và Bồ-tát. Phân sau kinh nói về đạo kham nhẫn, là điểm tựa của Bồ-tát. Nay kinh lược trước sau, tiểu cơ đã rõ, được tích không, tịch mặc thuộc về Tạng giáo, là sợ mất ý chỉ sâu xa của ngài Mã Minh. Sau khi ta diệt độ: Thị hiện trong nghĩa Di giáo: Tôn kính mộc-xoa: là pháp không dứt mất vì pháp thân thanh tịnh nên pháp không mất thường độ hết người đời làm cho họ đều tôn kính.

Tiếng Phạm: Là Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là biệt biệt giải thoát, cũng dịch là xứ xứ giải thoát. Nghĩa là thân miệng có bảy lỗi và các lỗi của năm thiên. Không để phạm cho nên được tên trước giới thể đã hoàn toàn đầy đủ, sẽ chứng được thánh quả, cho nên nói về hiệu sau.

Luận chép: Mộc-xoa này cũng là pháp thuận nhau với Tỳ-ni, cũng nghĩa là các hành được điều phục.

Lại nữa, giải thoát là độ được hai chướng. Như tối gặp sáng: Độ được phiền não tối tăm. Như người mù được mắt, người nghèo được của báu, độ chướng gốc lành, như đầy đủ tài bảo. Đó là Đại sư của các thầy, thị hiện Bà-la-đề-mộc-xoa là Đại sư tu hành, như ta còn ở đời không khác: Thị hiện trụ trì làm lợi ích cho người và pháp giống nhau. Vì Phật ở đời thường dùng thiên tự dạy người, thì pháp này còn như Phật tại thế, đây chính là pháp thân thanh tịnh bất diệt.

Bổ Bồ Chú:

Pháp không dứt mất: Phật diệt thì pháp diệt, vì giới còn thì pháp không diệt, có giới pháp thì không dứt mất, đó là pháp thân Như lai thường độ Bồ Chúng sinh.

2. Dùng giới thanh tịnh làm phương tiện xa lìa

Một là không cùng với phạm phụ tăng thêm tội lỗi, hai là không

cùng ngoại đạo làm tổn hại trí.

Luận chép::

Giữ gìn giới thanh tịnh căn bản, hộ này vẫn đầu tiên nương nghĩa căn bản có hai thứ:

Một là không cùng phạm phụ tăng thêm tội lỗi, hai là không đồng với ngoại đạo làm tổn thương trí. Già giới tuy nhiều, nay chỉ lược các giới dễ phạm và khuyên cố gắng giữ gìn, dứt được những điều ác này gọi là thanh tịnh.

Không cùng phạm phụ tăng thêm tội lỗi.

Người giữ giới không được mua bán trao đổi, sắp đặt ruộng vườn nhà cửa, nuôi người để làm tôi tớ cho mình, nuôi súc sinh, trồng trọt tất cả các thứ và các tài bảo quý, giá phải xa lìa Bồ Chúng như tránh hầm lửa lớn. Không được chặt cây cỏ, cuốc đất, đào ao. Hai chữ không được chung cho cả văn dưới. Phán: Một là tội phương tiện cầu lợi, mại: Hai là lỗi cầu lợi trước mắt. Mậu dịch: Ba lỗi cầu lợi giao dịch.

Luận chép: Nếu y theo giá trị ở đời không cầu lợi thì tâm không phạm. Mậu dịch là trao đổi rộng lớn. Như y đổi y, y đổi bát.

Luận Tát-bà-đa ngăn cấm bốn nghĩa này. Sắp xếp ruộng vườn: Bốn là nơi an cư lạc nghiệp cầu nhiều sự an ổn.

Luật Thiện Kiến chép: Cư sĩ cho ruộng đất, người khác không được dùng. Nếu có người cùng dùng cho tặng thì được nhận. Nếu cúng áo cho Bồ Chúng tặng để tắm gội, và cho phép tất cả Bồ Chúng sinh đến uống dùng thì tùy ý thọ nhận.

Nuôi dưỡng người dân: Năm là lỗi tăng thêm quyền thuộc. Chính là quyền thuộc bên ngoài không được sự đồng ý. Vì sao không chỉ nói người mà còn nói dân? Vì đồng này là từng cá nhân, trong pháp lành không cho sống chung với những người còn hữu lậu. Tăng nhất A-hàm chép: Trưởng giả cúng dường Phật cô gái, Phật không nhận. Nếu nhận thì dẫn sinh tội nặng. Luật Tăng-kỳ chép: Nếu đem dâng cúng vườn tược, vợ, người thì không nên nhận. Nếu nói dâng cúng tịnh nhân nam để cung cấp cho Bồ Chúng tặng thì được nhận, ni thì ngược lại.

Tôi tớ: sáu là Nạn sinh ra tâm tự ty. Nhật Tàng phân chép:

Ở trong pháp của ta, dù cho đều thực hiện đúng như pháp. Bắt đầu từ một người cho đến bốn người không cho nhận ruộng, nhà, vườn cây, xe cộ, tôi tớ, những vật của thường trụ, nếu đủ năm người thì được nhận, Kinh Đại tập cũng nói như vậy.

Súc sinh: Bảy là nuôi lúc sinh cầu lợi, Luật Tứ phần chép:

Tỳ-kheo nuôi mèo chó cho đến các loài chim đều không được.

Nam Sơn nói:

Nay có người cúng dường súc sinh cho nhà Phật pháp mà biết việc này có sự mua bán thì hoàn toàn không hợp với lời Phật dạy.

Gieo Trồng tất cả các thứ: Tám là nhiều việc tăng thêm tội lỗi.

Luật Tăng-kỳ chép:

Kinh doanh cho tăng Bồ Chúng, còn cho người khác thì không được, mình trồng và dạy người đều hoàn toàn không nên.

Các thứ của báu: Chín là chứa để tăng thêm tội lỗi, nếu ý mình tự làm thì không nên. Nếu định tính thí cho người, theo văn luật thì cho phép.

Luật Tăng-kỳ chép:

Nếu người bệnh thì được nuôi tịnh nhân để đi mua thuốc. Lại nói khi phu nhân Mạt-lợi cúng dường tiền Bồ Chúng tăng nhân ngày bố tát, Phật cho phép, nhưng đúng nghĩa phải giao cho người giữ.

Luật Thiệ Kiến chép:

Nếu cho gây gốc thì tăng nên đập bỏ.

Không được bán: Cho bình thuốc thì không được cầm, được bán, đều phải sai người khác. Văn tuy nói ở trước nhưng nghĩa thuộc phần sau.

Cho nên Luận chủ nói:

Mười việc này tăng thêm tội lỗi. Bồ-tát tu hành phải xa lìa, không nên gần gũi, phải tránh như tránh đồng lửa dữ.

Không được chặt cây đào đất: Mười là không thuận theo oai nghi và làm tổn hại Bồ Chúng sinh. Ngoài con để dứt trừ sự chê bai, nên không cho chặt cây cỏ để bày tỏ lòng từ, đây là giới “giết hai vật có mạng sống trong Tỳ-ni”. Cuộc đất đào ao tức là giới đào đất.

Luật Tứ Phần chép:

Nếu ở chỗ vắng gặp lửa cháy lan đến gần chùa, vì bảo vệ trụ xứ, nên cho phép Tỳ-kheo được chặt cỏ đào đất, để dập tắt lửa.

Luận Tát-bà-đa: Không cuộc đất, giết hai mạng sống, ngoài con người ra thì loài có biết có mạng sống Đức Phật đều cho là loài có mạng sống. Cỏ cây có sự sống nhưng không có sự hiểu biết. Có sự sống thì không nên giết. Vì thuận theo người đời, không phải thuận theo loài có sự hiểu biết.

Không đồng với ngoại đạo làm tổn hại trí có hai:

Một là căn bản hành pháp, hai là hành xứ căn bản, nghĩa là cái thấy phân biệt theo thế gian. Cái thấy phân biệt này có năm câu mười thứ.

1. Hành pháp căn bản: Hòa thuốc hợp thang xem tướng tốt xấu, ngược nhìn sao suy đoán biết trước lành dữ, lịch số tính toán đều không nên.

Hòa thuốc:

Vì tà tâm cầu lợi, học năm mình cứu giúp Bồ Chúng sinh. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói học y phương minh, nghĩa có tài trị được các thứ bệnh, tức là địa Bồ-tát thứ năm .

Xem tướng tốt xấu:

Chu Dịch chép : Tốt xấu đều là họa cho dân. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói học công xảo minh: Nghĩa là xem tướng công nghiệp do thiện, ác đời trước làm nhân chiêu cảm quả báo tốt xấu đời này.

Ngược nhìn sao: Xem sao là sự sống không được lương thiện. Túc Âm là sao. Là năm sao và hai mươi tám tú.

Tính những sự lành dữ :

Hộ cung là suy, Chu dịch chép: Sự hưng suy và tin tức thời tiết của trời đất.

Lịch số toán kế: Lịch số thứ lớp. Thượng Thư Hồng Phạm chép: Năm là lịch số, thông suốt được chánh nghĩa là xem được sự vận hành của mặt trời, mặt trăng gọi là lịch, tính được số vận hành sớm muộn, đó là lịch trong một năm, tất cả đều không nên làm.

Tổng kết về già chỉ. Luận chép: Ngăn được Di kiến, hễ làm Sa-môn chí cầu giải thoát thì phải nhất tâm một chỗ, đâu được công kích dị đoan, làm tổn giảm chánh trí. Lại Tần Hoãn không cứu được Cao Manh, Bì Táo đâu biết được thiên đạo, luống chi tin theo phương thuật thế gian. Dù cho chỉ mở rộng một hạnh từ bi của pháp môn, thì năm minh của đạo Phật có ích gì cho sự giáo hóa chân chánh. Ở đời có người mê mờ yếu đạo, cùng chất chồng thêm cao, miễn có lợi là cầu, không nghĩ đến lời Phật, đi không thể ngăn đến có thể truy tìm. Người xưa dùng pháp hạnh căn bản này, thích Bồ Chú thành nhiều khoa, gần đây không thất lạc ư? nghĩa là hạnh pháp căn bản này tức là văn trước nương vào giới thanh tịnh căn bản, ở đây từ lâu đã mất. Hơn nữa ngài Mã Minh nói trong kinh này, pháp tu hành của Bồ-tát có bảy phần. Pháp tu hành bao gồm trong kinh, cho nên theo văn khoa gần đây có năm câu. Nghĩa là chưa rõ nên tôi nói y theo đây .

Bổ Bồ Chú:

Thuốc dùng để trị bệnh, nhưng nói không nên là vì đem tâm tà cầu lợi. Tâm tà có hai:

1. Không biết mệnh trời mà giúp đỡ bừa kéo dài tuổi thọ.

2. Sát sinh làm nhiều thuốc để lợi người hại vật, đều gọi là tâm tà, dùng những điều này cầu lợi thì tội càng nhiều chưa lên được địa và phải nghiên cứu nhất tâm, không nên nhàn rỗi làm những điều này.

2. Hành xứ căn bản có ba:

- Thân xứ mộc-xoa của.
- Khẩu xứ mộc-xoa của
- Ý xứ mộc-xoa của.

Thân xứ mộc-xoa của: Thân sống tiết kiệm ăn đúng giờ, cuộc sống thanh tịnh. Không được tham dự việc đời, làm sứ mạng.

Tiết thân: Tiết kiệm không nên cầu xin người khác, siêng bỏ buồng lung.

Thời thực: Không nên ăn phi thời. Đối với thức ăn phải biết đủ.

Thanh tịnh tự nuôi sống: Không nên tìm cầu những thứ khác, xa lìa bốn thứ tà mạn.

Không tham dự việc đời: Tự tánh dứt nhiều việc.

Không nên làm sứ mạng: Tự tánh không nên làm những việc tầm thường, thấp hèn. Người xuất gia, tự giữ ý chí vô vi, vô dục làm cao thượng. Nếu làm sứ mệnh, thì tự hạ thấp mình và ý chí, bỏ phế chánh nghiệp.

Kinh Dịch chép:

Việc này bậc vương hầu cao quý còn không làm huống chi Bồ Chúng ta là người xuất gia thoát tục mà cam làm những việc thấp hèn này hay sao?

Thật là đáng thương, luật khai vì cha mẹ v.v... mà mang thư qua lại. Tất cả không phạm.

Khẩu xứ mộc xoa cũng: Bồ Chú thuật, tiên thuốc, kết giao với những người quyền quý, gần gũi những kẻ khinh lờn, đều không nên.

Bồ Chú thuật tiên thuốc Nương vào những lời tà thuật làm rối loạn tâm Bồ Chúng sinh. Nương vào tà ngữ có hai:

Bồ Chú thuật: Nương vào lời tà thuật khuấy rối tâm Bồ Chúng sinh.

Thuốc tiên: Nương vào thuốc tà biện luận những lời bất chánh. Kết giao với những người quyền quý: Nương vào lời người tà, có hai:

Thường cùng với người quý tộc nói những lời khinh lờn.

Thường gần gũi dòng họ quý tộc nói những lời ngã mạn. Người quý tộc là người có quyền thế, khinh thường người. Quách Bộc nói: Vì quá thân nên khinh lờn.

Bồ Bồ Chú:

Thuốc tiên quý người cao giống như lạm nhân thân xứ, không chỉ thuộc về miệng. Nhưng văn kinh quá rời rạc, đều cũng thuộc về ba nghiệp.

Ý xứ mộc-xoa của: Mình phải tâm ngay, chánh niệm cầu độ, không được che đậy lỗi lầm, bày những điều lạ làm mê hoặc người. Đối với bốn thứ cúng dường phải biết lường, biết đủ, được cung cấp không nên chứa để.

Phải tự làm cho tâm ngay thẳng: Không nên thấy lỗi người, vì thấy lỗi người thì tâm mình không thanh tịnh.

Chánh niệm cầu độ: Không được nghĩ tà, vì nghĩ tà thì không vượt qua thấp hèn.

Che đậy lỗi lầm: Vì khởi sân độc, có lỗi không chịu phát lộ.

Bày việc lạ để mê hoặc mọi người: Vì khởi sân độc, mình bày ra những hành vi tốt làm cho người không hiểu đúng.

Không nên chứa để tài vật: Vì khởi tham nên đối sự cung cấp không biết đủ, tội là dấu vết bệnh.

Bày việc lạ để mê hoặc mọi người: không ngoài năm thứ tà.

Vương chế rằng: Nghi nhiều nên giết.

Tỳ-ni chép: Nói chứng quả thánh phạm ba-la-di.

Bốn thứ cúng dường: đó là uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men.

Được sự cung cấp: Biết tiết lượng biết vừa đủ, không cầu nhiều cho nên nói không chứa để.

Ngũ Bách Vấn chép: Khi xưa, có vị Tỳ-kheo thường , xin nhiều và chứa để tài vật, đã không vì làm phước lại không hành đạo. Đến lúc qua đời sinh làm lạc đà, cao mười dặm. Gặp năm mất mùa, dân trong nước hằng ngày đến lấy thịt lạc đà ăn, hễ mỗi lần cắt xong thì lành lại ngay. Sau đó, người dân nước lân cận lại đến lấy thịt lạc đà người dân to tiếng hỏi lạc đà.

Lạc đà đáp: Ta vốn làm đạo nhân, vì tham tài vật không biết bố thí, nên nợ tài vật người dân trong nước này rất nhiều. Cho nên nay ta lấy thịt này để trả cho các người, từ nay không còn nợ nữa. Hoặc có chỗ hỏi giới tánh trọng không dạy cho ông ta sao?

Đáp: Vừa rồi Phật đều khuyên phải tôn trọng Mộc-xoa, thì tánh nặng nhẹ đều chứa đựng trong năm thiên, không sót giới nào. Nếu chỉ cố gắng giữ giới nặng thì sẽ phạm giới nhẹ, nên biết nay nhẹ đều thuộc nặng trọng. Những phướng dân rộng lớn còn, phải vượt qua, đâu chỉ hạn cuộc ở tánh nặng

Bổ Bổ Chú:

Trong ba nghiệp trên, từ xưa các cao tăng đều sắp xếp trang trại, ruộng vườn, có nuôi người lực sĩ, có người cuốc đất, có người chăn bò có người lắc chuông, có người làm Thất Đế Môn Sư, có người thị hiện thần thông. Vì bậc Đại sĩ đã vượt qua mọi sự tầm thường ở đời, không còn câu nệ vào giới luật. Nhưng Tỳ-kheo đời Mạt, Bồ-tát mới phát tâm phải vâng theo lời Phật dạy, ba lần kết hai giới có công năng sinh định, tuệ có ba:

- Kiết giới phương tiện xa lìa.
- Nói chung hai giới là nhân giải thoát.
- Nói về hai giới có công năng sinh ra định tuệ.

1. Kiết giới phương tiện xa lìa:

Ở đây nói lược về sự giữ giới. Lược nói về sự giữ giới: Trước tiên là giới viễn ly, Phật diệt độ người dễ phạm giới. Lược nói việc này, cho nên không nói rộng.

2. Nói là nhân giải thoát:

Giới là gốc, thuận theo giải thoát gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa.

Giới là chánh thuận: Dùng chánh ngăn tà, thuận là không trái lý, nhưng ngược dòng sinh tử, theo dòng Niết-bàn.

Gốc giải thoát: Giải thoát có hai: Hữu dư và vô dư. Dùng giới làm nền tảng nên gọi là giải thoát.

Ba-la-đề-mộc-xoa: Văn gọi là chứng nghĩa, dùng mộc xoa gọi là giải thoát. Ở đây nói về giới, gọi mộc-xoa là từ quả đặt tên.

Bổ Bổ Chú:

Một vị sư nói: Trì là thuận theo giải thoát, phạm là thuận theo phiền não, cũng chung cho cả trước sau gọi là chánh.

3. Nói đúng hai giới làm cho sinh ra định tuệ: Nhờ nương vào giới này sinh ra, các thiền định diệt khổ, sinh trí tuệ.

Nương giới sinh định tuệ: Giữ giới sinh bốn thiền, tám định. Giữ giới ra khỏi ba cõi, định ra khỏi sáu tầng trời cõi Dục, tuệ ra khỏi ba cõi, cho nên diệt khổ là quả.

Bổ Bổ Chú:

Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Nhờ giới sinh định, nhờ định phát tuệ, chính là ý này. Nhưng về sau nói giới có công năng sinh định, tuệ từ định sinh. Nhưng nay giới có công năng sinh định, giới cũng sinh ra tuệ, hơi với kia khác, vì tạm gọi giới là đạt được.

4. Nói riêng về năm điều khuyên tu giới đạt được lợi ích.

Cho nên Tỳ-kheo phải giữ giới thanh tịnh chớ nên hủy phạm. Nếu người giữ giới thanh tịnh thì có pháp lành. Nếu không giữ giới thanh tịnh

thì các công đức lành không sinh. Nên biết giới là chỗ nương công đức an ổn bậc nhất.

Phải giữ giới thanh tịnh bằng cách.

1. Cố gắng không nên để mất tự thể, không nên hủy tổn.
2. Khuyên không nên xả bỏ phương tiện vì được pháp lành.
3. Cố gắng xa lìa về nghiệp thân, miệng, ý thường tụ tập công đức.

Các điều lành không sinh: Biết nhiều tội lỗi, bất cứ lúc nào ba nghiệp cũng không sinh công đức.

Trụ nơi an ổn: Nói về những điều tu hành của Bồ-tát, trong giới có những điều được mất như thế, ta thường trụ chỗ an ổn, không trụ ở chỗ không an ổn. Đây là thị hiện khuyên tu lợi ích thắng nghĩa.

Bổ Bổ Chú:

Tuy gọi là năm lời khuyên nhưng, đại ý đều kết chung văn trên.

Làm cho đạt được pháp lành: Tức là giới có công năng sinh định, tuệ. Nói sáu độ muôn hạnh đều do đây sinh. Chỗ an ổn tuy nhiều nhưng giới là bậc nhất, không có pháp nào hơn. Công đức tu tập đối trị có hai:

Một là. căn buồng lung, Hai là . muốn buồng lung. Căn buồng lung có ba: Một là giới hộ, hai là niệm hộ, ba là trí hộ. Ba thứ này sinh khởi, dù trụ trong giới thanh tịnh nhưng , nếu không nhiếp niệm giới thì cũng không vững vàng. Nhiếp niệm để trị chướng do trí tuệ lựa chọn.

1. Giới hộ:

Các Tỳ-kheo đã trụ trong giới, cũng là đi trước khởi sau.

Bổ Bổ Chú:

Nhiếp trước: Đã đi vào được trong ấy. Khởi sau: Khởi lên nhưng chưa đạt.

2. Niệm hộ có ba:

Một là dụ chần trâu. Hai là dụ ngựa dữ. Ba là dụ bọn cướp , dụ chần trâu có hai: Một là pháp, hai là dụ.

Một là pháp thường chế ngự năm căn không để rong ruổi theo năm dục.

Năm căn: Mỗi căn sinh ra thức nên đều gọi là căn, nhưng không gọi là ý.

Luận chép: Vì hiện bày sắc phi sắc khác nhau.

Bổ Bổ Chú:

Phi sắc có công năng làm chủ thể của sắc, vẫn dưới chép: Năm căn này có ý nghĩa là làm chủ.

2. Hai là Dụ: Thí như người chăn trâu cầm roi nhìn trâu, không để trâu ăn phá lúa mạ người. Trâu dụ cho năm căn, người dụ cho Tỳ-kheo, cầm roi dụ cho nhiếp niệm, lúa mạ dụ cho phương tiện tam muội, chánh thọ công đức. Năm dục không khởi đạt được chánh niệm, cũng như không xâm phạm lúa mạ người.

Bổ Bổ Chú:

Thạch Cung, Tam Tuyền lãnh hội được ý chỉ này. hơn nữa, Tam muội chánh thọ, xưa dịch từ tiếng phạm sang Hán.

Dụ Ngựa dữ có hai:

- Pháp: Dù năm căn không phải chỉ có năm dục, sẽ không được đến bờ, không chế ngự được. Nếu không giữ căn thì, chẳng những chạy theo năm dục làm ngăn ngại đạo, mà còn chìm sâu trong biển khổ không lên bờ được. Đã mất giới niệm đối trị rất khó vì không chế ngự được, cho nên phải ngăn ngừa từ mầm mống, không cho động niệm.

Dụ: Cũng như ngựa dữ không dùng dây cương chế ngự, thì nó sẽ lôi người xuống vực thẳm. Ngựa dữ dụ cho năm căn, không dùng dây cương chế ngự dụ cho không chánh niệm, rơi xuống vực thẳm dụ cho đường ác.

Bổ Bổ Chú:

Hai thí dụ trâu và ngựa, tuy giống nhau nhưng khác, ăn phá lúa mạ người dụ cho bại hoại gốc lành làm nhân. Rơi xuống vực thẳm, dụ cho chìm đắm trong đường ác làm quả.

Dụ bọn cướp có hai: một là dụ, hai là pháp.

Như bị bọn cướp cướp bóc thì khổ chỉ một đời, giới sở của Trừng Chiếu chép: lấy công khai gọi là cướp.

Pháp: Năm căn là tai họa của bọn cướp, nhiều kiếp bị hại rất nặng nề, phải nên cẩn thận, chịu tai ương nhiều đời, khổ còn hơn. Cố gắng cẩn thận năm căn, răn chừa không nên khởi dục.

Bổ Bổ Chú:

Người chê bai Hiền thánh thì sáu muôn đời không có lưỡi, người mê âm nhạc chứng quả A-la-hán vẫn còn thói quen, khi tai ương đến đâu có qua được.

Cho nên người trí chế ngự không chạy theo, giữ như bọn trộm cướp, không cho buông lung. Nếu Bồ Chúng buông lung, không bao lâu thấy Bồ Chúng cũng bị tiêu diệt. Chỉ người có trí được gọi là Trí giả. Hễ người có trí thì mới dứt được những phải quấy, phân biệt được điều lợi và hại, đã biết được giới niệm là lợi không phải hại, chế ngự không theo, vì biết được căn dục là hại không phải lợi và giữ gìn như đề phòng

bọn cướp.

Luận chép:

Vì đây chướng nặng nên không để buông lung: Dưới sẽ nói về chướng nhẹ. Nếu buông lung nghĩa là những tướng tế huân tập thành chướng, dù có căn dục cũng không khởi ý, không bao lâu thấy Bồ Chúng cũng tiêu diệt. Vì sao lập thành thấy thị hiện nương vào lúc thấy cho nên nói, thí như vô thường đều trở về tiêu diệt.

Bổ Bồ Chú:

Đây là nương theo văn trên, năm căn đã như trâu, như ngựa, như bọn cướp cho nên người trí phải điều phục năm căn không để cho rong ruổi. Nếu để nó chạy theo duyên ngoài, ý nói rằng năm căn chắc chắn không thể rong ruổi, mà để nó rong ruổi, thì bất quá trong khoảng Sát-na ngọn đèn trước gió cũng phải diệt, cuối cùng đều diệt, đâu đáng vui gì. Giải thích này hơi khác trước, hoặc có thuyết nói: Hai dục buông lung có bốn: một là. nêu do tâm. Hai là. Siêng năng ngăn giữ. Ba là. nói chướng pháp. Bốn là . tu tam-muội.

1. Nêu do tâm:

Năm căn này thì tâm làm chủ. Năm căn khởi lên ham muốn đều do tâm. Nếu mình vô tâm, thì năm trần đâu đâu nhiễm, nên biết tâm vương là chủ.

Bổ Bồ Chú:

Tâm là chủ có bốn.

Phật Ca-diếp nói: “Dục sinh từ ý ông” cho nên sáu thức tâm làm chủ.

Lại nói: Ý từ tư tưởng sinh, thì thức tâm thứ bảy làm chủ. Vọng tưởng là kiến phần của A-lay-a, thì dùng thức tâm thứ tám làm chủ. Hàm tàng vô tánh tức là bạch tịnh chân như, thì viên giác diệu tâm làm chủ.

2. Siêng năng ngăn giữ: Cho nên các thầy phải thường điều phục tâm. Đã biết năm dục đều do tâm, cho nên phải cố gắng ngăn ngừa điều phục.

Kinh Thụy Ứng chép: Đạt được nhất tâm thì muôn điều tà đều diệt.

Bổ Bồ Chú:

Điều phục có hai: Sự điều phục thì chỉ giữ căn môn không để chạy theo cảnh. Lý Đế thì căn cánh vốn vắng lặng, niệm vốn không sinh.

3. Nói về pháp chướng có ba: 1. Chướng tâm tánh sai khác. 2. Chướng khinh động không điều. 3. Chướng mất các công đức.

1. Tâm tánh sai khác chương:

Tâm đáng sợ hơn rắn độc, thú dữ, cướp bóc, lửa dữ còn chưa ba thứ này đáng sợ bằng tâm.

Đáng sợ: Vì chiêu cảm sinh tử không có ngày giải thoát, đã do tâm thì đâu thể không sợ.

Rắn độc dụ cho tâm sân khi gặp cảnh trái ý, thú dữ dụ cho tâm si khi gặp cảnh hài lòng. Cướp bóc dụ cho tâm tham khi gặp cảnh thuận. Ba độc tai hại hơn rắn độc nên nói là còn hơn. Lúc lớn cháy lan dụ cho đấng phần còn. Đấng phần hơn cả lửa dữ và hơn bùng lung, cho đến dụ cũng chưa đủ.

Bổ Bổ Chú:

Rắn độc, thú dữ, giặc cướp v.v... tất cả dụ cho đáng sợ. Nay phân chia ba độc thì: Rắn đứng đầu Sân-nộ, thú dữ đứng đầu ngu ám, cướp bóc đứng đầu cướp đoạt, dụ cho đấng phần. Lửa cháy lan đá ngọc cũng đều cháy không sót Bổ Chú nào, nên nói cháy khắp, dụ cho đấng phần.

2. Chương năng nhẹ không điều phục:

Thí như có người hai tay bưng chén mật bước đi chăm Bổ Chú, chỉ nhìn chén mật không thấy hầm sâu. Thí như con voi điên không có móc sắt, như vượn khỉ gặp cây nhảy nhót chuyển hết cây này sang cây khác, không kèm chế được, phải mau hàng phục không để nó bùng lung. Dụ cho tâm còn mê mờ không thấy được vị lai.

Kinh Bách Dụ chép: khi xưa có một người tham, vào chỗ hoang vắng tìm mật. khi thấy được cây, chân cứ bước tới trước lấy mật, không thấy được dưới đám cỏ rậm là một giếng nước sâu, nên bị tuột chân mất mạng.

Voi điên: Dụ cho tâm khởi lên ba độc.

Kinh Niết-bàn: vì voi say điên cuồng, như say mê tham sân, ngu si. Cho nên thường gây ra nghiệp ác.

Vượn khỉ: Dụ cho căn khởi lên năm dục.

Có thuyết nói: Như con khỉ ở trong ngôi nhà có năm cửa sổ, tâm khỉ cũng như vậy, nó ở khắp năm căn.

Nhảy nhót: Giải thích như voi điên ở trên.

Lăng Xăng: Giải thích như khỉ vượn ở trên. Nhảy như khỉ vượn phải mau hàng phục huấn luyện nó vào chỗ bất động, không cho nó chạy nhảy, làm chủ và điều phục nó ngồi một chỗ.

Bổ Bổ Chú:

Ế là như mây và gió, ám dụ cho hôn trầm, gió dụ cho vọng tưởng. Bầu trời quang đảng bị mây đen che phủ cho. Dụ tâm vắng lặng chiếu

soi bị che chướng, nên chỉ thấy đục ở trước mắt, không nghĩ hậu quả sau thân.

3. Chướng mắt các công đức: Tâm này rong ruổi làm mất việc lành của người. Do không việc phục thì việc lành thế gian và xuất thế gian đều tiêu tan.

4. Tu tam-muội: Điều phục vào một chỗ, không việc gì chẳng làm được, cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn điều phục tâm mình.

Định lại một chỗ: Tam-muội không hai niệm, dứt bỏ chướng tâm tánh sai khác. Một chỗ là tâm, điều phục nớ trong tâm thì bốn thứ phân biệt tự nhiên dứt.

Không Việc gì chẳng làm được: Khởi nhiều công đức tam-muội, chướng mắt các công đức. Văn ngắn không có thứ lớp, nên nương vào luận ở sau, nay thuận theo văn kinh ở giữa.

Hàng phục tâm các thầy: là Điều nhu bất động Tam-muội, dứt bỏ chướng tháo động bất điều. Đã biết được lợi ích của điều phục tâm, thì nên phải tinh tấn điều phục không cho dao động.

Bổ Bổ Chú:

Không việc gì chẳng làm được đã mở rộng. Nên biết muôn pháp do tâm, vì tâm này trăm ngàn Tam-muội thần thông sáng ngời đều đầy đủ.

2. Đối trị khổ ăn nhiều có ba: 1. nói về bình đẳng. 2. Răn tham cầu nhiều. 3. Khuyên tiết lượng.

1. Nói về bình đẳng: Đây các Tỳ-kheo khi nhận các vật thực ăn uống phải xem như thuốc men. Đối với món ngon hay dở không nên sinh tâm khen chê, dùng để nuôi thân mục đích là trừ đói khát. Thuốc trị bệnh không phân biệt tốt xấu, dùng thuốc làm thức uống ăn để trừ bệnh đói khát. Cũng vậy, không nên vì món ăn ngon mà sinh tâm tham đắm, còn món dở thì không thích, ăn là để là trừ bệnh đói. Không nên tham nhận những món ăn ngon.

Bổ Bổ Chú:

Chi trì: là giữ gìn thân này tức là không tham vị, tất cả đều để trị bệnh và tiếp khí cho thân hình khô gầy nâ2y.

2. Giới tham cầu nhiều có hai:

Dụ: như ong hút mật hoa chỉ lấy vị ngọt không làm tổn hại sắc và hương. Ong: Dụ cho các Tỳ-kheo, hoa dụ cho người cúng dường, lấy vị dụ cho trừ sự khổ não về đói khát. Không làm tổn sắc và hương dụ cho làm hư không hoại thiện tâm.

Bổ Bổ Chú:

Giải thích như vậy là nói các Tỳ-kheo không nên làm hư hoại tâm lành của mình.

Hợp: Tỳ-kheo cũng vậy, người nhận cúng dường tự mình dứt khổ não, không được cầu nhiều mà hư hoại tâm lành của họ. Cầu nhiều làm cho lòng tham thêm lớn, cho nên hư hoại tâm lành.

Bổ Bồ Chú:

Không được cầu nhiều làm hư hoại tâm lành, là hoại niệm tâm lành của tín chủ kia. Vì tìm cầu không nhằm chán làm cho tâm tín Bồ Chú lui sụt và mệt mỏi. Như các Tỳ-kheo khi Phật còn tại thế đi qua xóm làng bị dân Bồ Chúng đóng cửa lại, vẫn trên dưới xuyên suốt rất rõ.

3. Khuyên tiết lượng:

Thí như người trí, lường được sức của trâu mạnh yếu, không bắt nó chở quá lượng đến nỗi mà bị kiệt sức. Trâu có khả năng chở nặng nhưng, nếu chở quá thì kiệt sức. Cũng vậy, Tỳ-kheo nhận sự cúng dường, cầu xin nhiều thức ăn ngon thì mất phẩm chất đạo đức.

3. Đối trị khổ biếng nhác ngủ nghỉ có hai:

1. Hợp với hai ngủ nghỉ trước.
2. Cách biệt với một ngủ nghỉ sau.

Luận chép: Biếng nhác là tâm lười biếng. Ngủ nghỉ là nặng nề tâm tối. Hai việc này hợp lại tạo thành khổ. Nhưng ngủ nghỉ có ba:

1. ngủ nghỉ do ăn uống sinh ra
2. Thời tiết ngủ nghỉ do sinh ra.
3. Tâm ngủ nghỉ do sinh ra.

Hai thứ trước là sự ngủ nghỉ của A-la-hán, vì kia không sinh theo tâm, không bị che đậy.

1. Hợp giải thích hai ngủ nghỉ đầu:

Này các Tỳ-kheo tâm phải siêng tu tập pháp lành không nên xao lãng. Lúc đầu hôm, gần sáng cũng không bỏ, nửa đêm tụng kinh lấy đó an tâm, không nên ngủ nghỉ, nhờ duyên như vậy không để một đời luống qua tất cả đều đạt được.

Ngày siêng tâm:

Đối trị ngủ nghỉ do ăn uống sinh ra, nửa đêm không bỏ, đối trị ngủ nghỉ do thời tiết sinh ra. Không bỏ luống qua: là Tổng kết chung hai thứ đầu đều dùng tinh tấn để đối trị.

Luận Trí Độ chép: Ngủ nghỉ như áng mây lớn che lấp không thấy được gì, thường lừa dối cướp đi ánh sáng của người. Cho nên Tề Dự ngủ bên sách, Trọng Ni để lại những lời trách cây mục, Na Luật ngủ bị Phật

quở là Ngao, Sò. Ngủ nghỉ phớt bỏ việc tu học chương ngăn thánh đạo, việc ngủ nghỉ là việc lớn nhất

Bổ Bổ Chú:

Ban đêm chỉ nêu đầu, giữa và sau, đối với lời dạy buộc vào hơi thở là chỉ cho những người thông thường. Cho nên ban ngày có vẫn thể tu tập được, ban đêm nên ngủ nghỉ vì thế, đặc biệt cảnh báo.

2. Ly biện hậu, nhất thù miên, có hai:

1. Quán sát đối trị bằng cách.

2. Tịnh giới đối trị bằng.

Luận chép: Từ Tu-đa-la khác nói thứ ba là tâm khởi ngủ nghỉ từ . Có hai thứ đối trị: Một là quán sát đối trị bằng, hai tịnh giới đối trị bằng.

Có chỗ nói: hai ngủ nghỉ trước chỉ có một tinh tấn, để đối trị. Nay một thứ này làm sao đối trị cả hai?

Đáp :Chương có nặng nhẹ thì đối trị cũng phải có nhiều ít. Hai ngủ nghỉ đầu từ ăn uông sanh, tứ thời tiết sanh thì đối trị chương nhẹ, cho nên tinh tấn chung cho cả đối trị này còn ngủ nghỉ. từ tâm khởi: Vì được đối trị chương nặng phải dùng quán sát tịnh giới theo pháp dẫn dụ, mỗi thứ đối trị riêng.

1. Quán sát đối trị bằng : Phải nghĩ rằng lửa vô thường thiêu đốt người đời, phải mau cầu độ mình không nên ngủ nghỉ, giặc phiền não luôn rình rập giết người, còn hơn kẻ thù, đâu thể ngủ yên không chịu cầu tỉnh ngộ? Vô thường có hai: Một thô, hai tế. Trong một thời gian sinh diệt là thô, niệm niệm sinh diệt là tế.

Luận chép: Thấy sinh diệt hoại diệt trong năm uẩn. Người đời cũng có ba cõi là khí thế gian, sáu đường là hữu tình thế gian, nhưng nương vào đây thì đều là hư hoại.

Như lửa đốt: Lại kinh Nhân Vương chép: Kiếp lửa cháy khắp Đại thiên thiêu đốt hết.

Kinh Vô Thường chép: Không hề có một việc gì chẳng bị vô thường nuốt chửng.

Sớm cầu tự độ: là nói cầu thiên định trí tuệ độ người đáng độ các giặc phiền não: Ba độc phiền não giết người giết pháp thân tuệ mạng.

Luận chép: Quán ấn nhập giới thường giết hại, ở trong đó đáng sợ phải Chánh giác.

Bổ Bổ Chú:

Hoại năm ấm một thời gian một niệm đều có năm ấm.

2. Bằng tịnh giới đối trị, có hai: Một nói về đối trị, Hai là nói về

pháp đối trị. Nói về đối trị có hai:

1. Nói về hữu đối trị.

2. Nói về vô đối trị.

- Nói về đối trị có hai:

1. Nói về phiền não đáng sợ.

2. Khuyến tịnh giới dứt trừ.

1. Nói về phiền não đáng sợ : Rắn độc phiền não ngủ trung tâm các thầy. Thí như rắn hổ mang ngủ trong nhà các thầy. Rắn độc phiền não hại mình trong tâm, lại đưa điều đáng sợ dụ cho rắn hổ mang, nó ngủ trong nhà, nếu thức dậy thì hại người.

2. Khuyến tịnh giới dứt trừ: Phải dùng móc câu giữ giới đuổi rắn ngủ trong nhà ra khỏi mới được an tâm ngủ. Giữ giới xua tan mê hoặc như dùng móc câu bắt rắn ra, ý nói định và giới tương ứng.

Luận chép : Thiên định tương ứng với tâm giới. luật Tứ phần vì sao điều hòa ba độc.

Rắn ra rồi ngủ yên: Câu trên nói về dứt mê hoặc, câu dưới nói về việc mình đã xong, nói chung là. Dùng giới để ngăn ngừa bên ngoài, dùng định để an tĩnh bên trong. Cho nên có thể phát tuệ dứt nghi ngờ. Nếu bên ngoài khoe tướng giữ giới, bên trong không định tuệ, ngã mạn tự cao chấp giới từ đây sinh. Lại dẫn rắn hổ mang để trở về nhà tâm, không biết đều này. Người trí phải suy nghĩ mà rắn chừa.

Bổ Bổ Chú:

Phát tuệ dứt hoặc, là đạo và giới, có hai giới này, định tuệ song tu

1. Nói về vô đối trị: Rắn chưa ra mà vẫn ngủ yên là người không biết bổ chẳng thể đối trị phiền não được. biếng nhác ngủ yên thì là người không biết thẹn ngu mê, gọi là người vô quý.

2. Nói về pháp đối trị, có hai:

a.. Nói về thắng pháp.

b.. Khuyến tu thắng pháp.

a.. Nói về thắng pháp:

Áo hổ thẹn là hổ trong các sự trong nghiêm bậc nhất. Như móc sắt có công năng chế phục người phi pháp. Hai chữ hổ thẹn, trong các kinh luận thường giải thích chung.

Kinh Niết-bàn chép: Người biết tà trong tâm tự hổ thẹn.

Du già chép: Bên trong sinh hổ thẹn là tà. Nên biết, đã hổ thẹn thì ba nghiệp siêng năng chẳng rảnh. Nhưng ba học là nấc thang tu mau đến hiền thánh, cho nên ở đây nói giới định trang nghiêm là bậc nhất.

Nhưng chế ngự được phi pháp, như người nài điều khiển voi.

Bổ Bổ Chú:

Ba học Giới định tuệ đều để trang nghiêm pháp thân. Chỉ có tà quý mới có thể tu học, nên nói là bậc nhất.

b. Khuyên tu thắng pháp có hai:

1. Nói về khuyên tu. 2. Hữu vô, được mất.

1. Nói về *Khuyên tu*: có hai: 1. khuyên phải thường tu; 2. Xa lìa hư tổn khuyên phải thường ta

Cho nên Tỳ-kheo phải thường hổ thẹn không được tạm quên, vì Trang nghiêm thù thắng cho nên khuyên thường tu.

2. Xa lìa hư tổn:

Nếu không có hổ thẹn thì mất các công đức, nếu lìa hổ thẹn thì không thể giữ giới. Giới không thanh tịnh cho nên định không sinh. Định không thành cho nên tuệ không phát. Ba thứ đều không, thì công đức thế gian và xuất thế gian làm sao sinh? Cho nên mất công đức.

2. Hữu vô được mất:

Người có quý thì có pháp lành, nếu người không có quý thì không có pháp lành giống như loài cầm thú.

Kinh Niết-bàn chép: Quý là sám hối với người.

Kinh Du-già chép: Bên ngoài sinh hổ thẹn là tà.

Kinh Niết-bàn lại chép: Người không hổ thẹn không gọi là người cũng như loài chim bay, thú chạy.

Bổ Bổ Chú:

Quý có trong hổ thẹn, vì một chữ có hai nghĩa.

3. Công đức tu tập đối trị dứt trừ phiền não, có ba:

- Đối trị phiền não sân nhuế.

- Đối trị phiền não cống cao.

- Đối trị phiền não dua nịnh.

a. Đối trị phiền não sân nhuế, có ba:

- Nói về kham nhẫn đạo.

- So sánh tối thắng.

- Y theo năng bất năng.

- *Nói về đạo kham nhẫn*, có hai:

- Kham nhẫn thì ba nghiệp thanh tịnh.

- Không kham nhẫn làm chướng mất đạo đức.

* Kham nhẫn thì ba nghiệp thanh tịnh:

Này các Tỳ-kheo! nếu có người đến cắt từng phần trên thân thể các thầy, thì các thầy phải nhiếp tâm không tức giận, cũng không nên

nói lời ác độc

Luận chép: Bồ-tát tu hành trụ ở giai vị Kham nhẫn, chịu đựng những điều khổ não. Bị chặt từng phần thân thể cũng không tức giận, thân tâm thanh tịnh. Miệng không nói lời độc ác thì khẩu nghiệp thanh tịnh.

Nhưng kinh chép: Nếu so sánh với luận kim cương thì ngang với thứ mười ba trong mười tám trụ, là Tín hạnh địa.

Luận Khởi Tín cũng chép: Như mới phát ý trong quán trí của Hai thừa

Sớ ấy giải thích: Bồ-tát Ba hiền và người Hai thừa giống nhau.

Luận này chép: Lại nói về đạo phương tiện của Ma-ha-diễn và Hai thừa chung, thì biết của kinh này điều do hóa thân. Nhiếp thâu Bồ-tát đại tiên Báo thân trong kinh Phạm Võng đã nói giảng nói thuộc về thánh Địa thượng.

Cho nên Hoa Nghiêm sớ chép: Phạm Võng tức là Xá-na ngồi trên hoa ngàn cánh nhiếp ly cấu địa giới Ba-la-mật. người xưa dùng di giáo là tạng thông Bồ-tát đồng phẩm, hỏi nói về áo nghĩa của ngài Mã Minh. Nếu nói về Phạm Võng là biệt viên Bồ-tát tự bản, thì dường như trái với văn sâu xa thanh tịnh.

Bổ Bổ Chú:

Vô sân dường như chỉ thuộc ý. Nhưng nói thân ý thanh tịnh, để mặc họ chặt từng chi phần mà tay chân không cần kèm chế, tức là thân thanh tịnh.

* Không nhẫn thì mất đạo đức:

Nếu buông lung tâm tức giận thì chướng ngại đạo, mất đạo đức. Nếu buông lung tức giận: Thì mình làm chướng đạo, mất đi sự giáo hóa người.

- So sánh tối thắng:

Nhẫn là đức giữ giới, khổ hạnh không bằng là địa thứ hai giữ giới khổ hạnh. So sánh địa thứ ba là đức nhẫn nhục, những điều ấy không sánh bằng.

Bổ Bổ Chú:

Vì sao giới hạnh không bằng năng nhẫn, do người giữ giới cao, tình đời nhẹ, khổ mình thì sân với người. Nhẫn thì oán thân giới cao, tình đời nhẹ, khổ mình thì sân với người. Nhẫn thì oán thân đều xem ngang nhau, khổ vui không nương theo cho nên bố thí sinh lên cõi trời, nhẫn nhục vào đạo, làm sao bì được.

- Y theo năng bất năng, khuyến giới có hai:

- Nên năng nhẫn và khuyên.
- Y theo bất năng mà răn.

1. Nêu năng nhẫn khuyên:

Người thực hành nhẫn nhục mới gọi là người vĩ đại. Phạm thì không được gọi là quân tử ở đời. Cho nên thực hành ba điều nhẫn nhục đều gọi là bậc đại nhân.

Bổ Bổ Chú:

Ba nhẫn: 1. Khổ hạnh nhẫn. 2. Sinh nhẫn. 3. Đệ nhất nghĩa nhẫn. Nay y theo hai nhẫn. Lại nữa, một là Nại oán hại nhẫn, hai là an thọ nhẫn. Ba là quán sát nhẫn. Nay y theo nhẫn đầu, người có năng lực nhẫn gọi là người vĩ đại. Phạm phụ lấy việc thắng người làm sức mạnh, Bồ-tát nhường người làm sức mạnh. Năng lực vật chất là tiểu nhân, năng lực đạo đức là đại nhân.

2. Y theo bất năng mà răn có ba:

- Nói bất nhẫn thành ngu.
- Nói lỗi của sân nhuế.
- So sánh với người tại gia.

1. Nói bất nhẫn thành ngu:

Nếu người không thể vui vẻ chịu đựng những lời chửi rủa ác độc xem như uống cam lồ thì không gọi là người trí tuệ đã vào đạo. Cam lồ là một vị thuốc sống lâu của các vị trời. Sức nhẫn đã đạt được thì lợi ích cho pháp thân, kéo dài mang sống trí tuệ. Dùng năng lực nhẫn để chịu những điều đắng chửi dụ như uống cam lồ, không do nhẫn nhục thì đâu tỏ được năng lực nhẫn của ngã, lau chùi núi vàng, nên biết là ý này. nếu không được như thế thì không chứng được trí tuệ của đạo, mà gọi là phạm phu ngu si.

Bổ Bổ Chú:

Lau chùi núi vàng thì vàng càng sáng. Mài đá thành gương. Kiểm dụ cho bén.

Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: Không do chê bai mà khởi oán thân, đâu tơ được sức từ nhẫn Vô sinh.

2. Nói về lỗi lầm của sân nhuế có hai:

- Giải thích lỗi lầm.
- Răn khiến ngăn giữ

1. Giải thích lỗi lầm

Vì sao? Vì cái hại của sân nhuế phá hoại các pháp lành, hủy hoại danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau mọi người không thấy thích nhìn. Phá pháp lành: Kinh Hoa Nghiêm chép: Một niệm sân nổi lên

trăm muôn cửa chướng mở.

Luận chép: Pháp lành là tướng trí tuệ tự lợi, danh văn là pháp lành lợi tha nên gọi là công đức. Người không thấy. Thích nhìn thấy

Bổ Chú thích rằng: đời này đời khác chịu không quả báo đáng ưa thích .

2. Răn khiến ngăn giữ:

Nên biết tâm sân còn hơn lửa dữ, thường phải giữ gìn không cho bọn cướp xâm phạm công đức, thì không có lỗi sân nhuế.

Luận chép: Bảo vệ pháp lành cho mình như ngăn lửa, bảo vệ công đức lợi tha như ngăn bọn cướp.

3. So sánh với người tại gia có hai:

Người tại gia không có pháp đối trị nên cho khởi.

Pháp đối trị người xuất gia có nên không cho khởi.

1. Người tại gia không có pháp đối trị nên cho khởi:

Người tại gia thọ hưởng năm dục lạc không phải người hành đạo, không có pháp để hạn chế mình nổi sân thì còn tha thứ.

Tha thứ, Thịnh loại chép: Dùng tâm tiếp đãi ứng xử với người, họ đã đắm trước năm dục không có pháp thanh tịnh để đối trị, thì tha thứ khi họ nổi sân, Người xuất gia trái lại không nên nổi sân.

Bổ Bổ Chú:

Người tại gia là kể cả sáu tầng trời cõi Dục vì cõi trên không có sân. Tỳ-kheo chí hướng ra khỏi ba cõi, thì mình đâu thể giống như cư sĩ, cho nên phải trái với thế tục.

2. Người xuất gia có pháp đối trị thì không nên nổi sân có hai là:

Pháp, Dụ

a. Pháp: Người xuất gia hành đạo vô dục còn sân thì không được.

Bổ Bổ Chú:

Người ham muốn: Hễ Ham muốn mà thuận lòng thì kiêu căng, gòn buông lung thì nổi sân, ham muốn không được thì phản hận cho nên nổi sân. Ngay người vô dục mà nổi sân thì không được, huống chi là có pháp đối trị.

b. Dụ:

Thí như bầu trời trong sáng mà nổi sấm chớp thì không có việc đó. Bầu trời trong dụ cho hành đạo vô dục, sấm chớp dụ cho sân hận.

Quách Bộc nói: Sấm chớp bất ngờ gọi là tích lịch.

Luận chép: Trong phần thị đạo không nên có.

b. Đối trị phiền não cống cao có hai:

Lập ra pháp đối trị.

So sánh không nên.

1. Lập ra pháp đối trị:

Này các Tỳ-kheo các thầy phải tự rờ đầu, mình đã bỏ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, ôm bát đi khất thực tự nuôi sống. Tự thấy như vậy mà còn kiêu mạn thì phải mau dứt bỏ những điều đó. Người tại gia, dựa vào hình dáng để kiêu ngạo với mọi người, cho nên đội mão trang sức đầu mình, đeo kiếm ngọc tô điểm thân này, mặc áo đỏ tím để khoe với mọi người, có kể hầu châu hạ cung phụng, cất chứa tài vật, họ yêu chuộng giàu sang mà còn không kiêu ngạo phải tự nhún nhường tôn kính người. Nay Ta vượt ra khỏi bốn dân mong lên thánh quả. Xem thường thân mạng mặc áo hoại sắc, thì đáng không nên kiêu mạn. Xoa đầu: tay xoa đầu, biết mình không còn mũ để trang sức. Bỏ những trang sức tốt đẹp. Bản thân đã bỏ trang sức vật quý Hoại sắc: Nhìn lại áo hoại sắc, dứt những màu sắc hoa hòe, ôm bình bát:

Đích thân ôm bình bát không có người phục dịch. Khất thực tự nuôi sống đi xin ăn để nuôi mạng sống, không cất chứa tài vật. Năm câu trên là nói không kiêu mạn. Tự thấy như vậy. Câu thứ nhất là nói đạt được trí tuệ, vì thường tự quan sát. Một câu sau nói về kiêu mạn khởi nên đối trị. Kiêu mạn nổi lên thì phải mau suy nghĩ để dứt vọng tâm, cho nên phải dứt bỏ Bồ Chúng. Chẳng phải sắc chính của người đời nên gọi là hoại sắc.

Luật Tứ Phần chép: Mầu hoại sắc là xanh, đen, mộc lan, ứng khí là bát. Là chỗ thích ứng với sức ăn nên gọi là ứng khí.

Kiêu mạn: Tự cao gọi là kiêu, lãng nhục người khác gọi là mạn.

Câu xá chép Mau là: Đối với người khác tâm khởi, kiêu là do nhiễm tự pháp.

2. So sánh không nên:

Thêm lớn kiêu mạn, còn không phải là việc nên làm của cư sĩ ở đời, huống chi là người xuất gia học đạo, vì sự giải thoát hạ mình đi khất thực?

Kinh Dịch chép: con người điều ác lấy lòng mà còn phải khiêm nhường.

Lão tử nói: Người yếu đuối ,người sanh ngang bướng thì chết. Nên biết kiêu mạn người đời còn không nên, huống chi người hạ mình đi khất thực? Xoa đầu năm thứ như đều phải hạ mình. Tóm lại, đều chỉ cho hành khất.

Bổ Bồ Chú:

Nêu chỗ quan trọng: Chưa từng thấy người đi hành khất đội mũ

đẹp, đeo kiếm báu, mặc áo đỏ tím có người hầu. Cho nên nêu ra một điều trong bốn điều.

3. Đối trị dua nịnh phiến não có hai:

- Nêu lỗi, nói cách đối trị.
- Dua nịnh, khuyên ngay thẳng.

1/ Nêu lỗi, nói cách đối trị có hai:

- Nêu lỗi lầm.
- Nói cách đối trị.

1. *Nêu lỗi lầm:*

Tỳ-kheo các thầy có tâm dua vạy thì trái với đạo. Ý mong cầu điều này mà nói điều khác là siểm, cho nên nói lời dua nịnh này thì tâm không còn ngay thẳng, đạo chỉ chuộng điều thật thà, nên nói trái với đạo.

Bổ Bổ Chú:

Kinh Duy-ma chép: Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi dưới đạo tràng thường chánh niệm, khoảng giữa đều không có những sự dua vạy.

2. *Nói cách đối trị:* Cho nên phải ngay thẳng tâm này, giữ tâm cho chánh trực thì cong dua vạy không nổi lên.

Kinh Lăng-nghiêm cũng chép: Ra khỏi sinh tử đều do tâm ngay thẳng.

2. Răn dua nịnh, khuyên ngay thẳng có hai:

- Răn dua nịnh.
- Khuyên ngay thẳng.

1. *Răn dua nịnh:*

Nên biết dua nịnh chỉ là lừa dối người vào đạo thì, không có việc đó. Đạo thì tâm phải ngay thẳng, dùng sự dua nịnh vào đạo thì không đến được.

2. *Khuyên ngay thẳng:*

Cho nên các thầy phải sửa tâm, ngay thẳng làm gốc. Chánh đạo gọi là trực, lìa một bên quán trung, đạo bỏ sự tìm lý đều gọi là dua nịnh.

Bổ Bổ Chú:

Ngay bên mà trong còn chẳng phải đến trong, hướng chi là chấp khắp, thì sự và lý còn chẳng phải lại đơn lý, hướng chi là chấp tướng. Ngay thẳng như vậy, đâu chỉ là thành thật?

3. Công đức của bậc đại nhân thành tựu xuất thế gian có tám:

1. Công đức Vô cầu.

2. Công đức biết đủ.
3. Công đức xa lìa.
4. Công đức không mệt mỏi.
5. Công đức không quên chánh niệm.
6. Công đức Thiền định.
7. Công đức Trí tuệ.
8. Công đức rốt ráo.

1. Công đức Vô cầu có năm:

- Tướng chướng Tri giác.
- Tướng trị Tri giác.
- Tướng Tri giác nhân quả tập khởi.
- Tướng Tri giác vô các chướng rốt ráo.
- Tướng Tri giác rốt ráo thành tựu.

- *Tướng chướng Tri giác:*

Này các Tỳ-kheo nên biết người ham muốn nhiều, cầu lợi dưỡng nhiều, cho nên khổ não cũng nhiều, là chướng đa dục phiền não, là nghiệp chướng đa cầu, là báo chướng khổ não.

- *Tướng trị Tri giác:*

Người ít muốn, vô cầu, vô dục thì không có những nỗi lo này. Xa lìa ba thứ vọng tưởng, không cầu cho nên không có nghiệp, không dục cho nên không bị mê mờ, không hoạn, cho nên không có khổ.

- *Tướng Tri giác nhân quả tập khởi:*

Tâm ngay thẳng ít muốn còn phải tu tập hướng chi ít muốn có công năng sinh ra các công đức. Tâm ngay thẳng, ít muốn đã được an ổn, hướng chi nhờ ít muốn được quả thánh, ai nghe lợi này mà không tu tập, chỉ trừ những người ngu, mê vô trí.

Bổ Bổ Chú:

Chánh trực: Chỉ là ít muốn không có công đức khác, nhưng có lợi ích tâm an. Tâm an có hai:

Ít muốn thì tâm không tham cầu cho nên an vui.

Ít muốn thì tâm không lo sợ cho nên an vui.

- *Tướng Tri giác vô các chướng rốt ráo:*

Người ít muốn thì tâm không đua vạy, vì ý người cầu cũng lại không bị các căn lôi kéo. Không đua nịnh là không mê hoặc vì ý người không cầu thì không tạo nghiệp, vì các căn không lôi kéo nên không khổ. Nhãn căn lôi kéo người vào sắc, cho đến thân căn lôi kéo người mê đắm xúc.

Bổ Bổ Chú:

Người đời khúm núm cười nịnh, bề ngoài nhún nhường như người hầu để mong cầu và nghĩ đến sự mong muốn lợi dưỡng. Nếu mình vô dục thì đâu có gì cầu mong ở người?

- *Tướng Tri giác rốt ráo thành tựu:*

Người thực hành ít muốn thì tâm thanh thản, không bị lo sợ, gặp việc có dư thường được đầy đủ. Người ít muốn thì có Niết-bàn, gọi là ít muốn. Tâm thản nhiên thì pháp thân hiển bày. Không lo sợ thì Bát-nhã phát sinh. Gặp việc có dư thì được giải thoát. Ba pháp đầy đủ gọi là Đại Niết-bàn. Ba thứ công đức như Bát-nhã v.v... quả được thành tựu. Lại tâm thản nhiên là lia dua vậy. Không lo sợ vì không cầu được điều khác. Gặp việc có dư: Nằm chỉ biết khoảng một cái giường, đắp một tấm chăn vừa đủ ấm, ăn chỉ biết no một bữa, chỗ ở chỉ dung đủ một cái gối là an ổn, những điều này đều gọi là có dư. Cho nên thường đầy đủ, tâm không nghĩ đến những thứ khác.

2. *Công đức biết đủ có ba:*

- Đối trị nhân quả khổ.
- Lại nói nhân quả thanh tịnh.
- Thị hiện ba thứ khác nhau.

- *Đối trị nhân quả khổ:*

Các Tỳ-kheo nếu muốn thoát khổ não, thì nên quán biết đủ.

Luận chép: Khổ não trong đây là nói phiền não lỗi lầm từ khổ sinh ra, vì muốn xa lìa cảnh giới khác.

Bổ Bổ Chú:

Phiền não từ khổ sinh, như tâm trộm sinh từ đói lạnh ra.

- *Lại nói nhân quả thanh tịnh:*

Pháp tri túc chính là nơi an ổn vui vẻ nhất.

Luận chép: Pháp đối trị được thành tựu, việc mình phải xa lìa.

Bổ Bổ Chú:

Tham cầu bên ngoài là tha, bên trong an vui là tự.

- *Thị hiện ba thứ khác nhau có ba:*

Đối với hai xứ thọ dụng khác nhau.

Đối với hai việc thọ dụng khác nhau.

Đối với pháp không có tự lợi, có tự lợi tha lợi khác nhau.

+ Đối với hai xứ thọ dụng khác nhau:

Người biết đủ dù nằm dưới đất cũng an vui, người không biết đủ dù ở trên cõi trời cũng không vừa ý. Được nằm đất bằng còn hơn lao ngục, cho nên nói an vui. Ở nhà vàng lại mơ lâu đài nên không vừa ý.

Bổ Bổ Chú:

Mưu thần an phận trong chiếc áo gai để toàn thân, Luân Vương mong địa vị vua trời nên bị rơi xuống trần gian, đâu không sợ hay sao?

+ Đối với hai việc thọ dụng khác nhau:

Người không biết đủ dù giàu cũng như nghèo. người biết đủ dù nghèo cũng như giàu. Như Vương Nhung Nha Trù mỗi ngày tính tài sản của mình, Nhan Uyên trong hẻm bần cũng không thay đổi tính ham vui của mình. Người không biết đủ cứ hối hận tiếc nuối châu báu chưa nhiều, lo một điều ruộng đất chưa rộng, nhà cửa chưa nguy nga, có thêm thì tâm vẫn thường thấy thiếu, chẳng phải nghèo thì là gì? Người biết đủ, dù mặc vải mịn hay thô cũng thấy ấm như Cô Lạc, dù ăn muối cũng như thức quý vị ngon, dù ở nhà tranh cũng an ổn như nhà Hạ, đâu có khác gì? Vì họ biết đủ.

Kinh Niết-bàn chép: biết đủ là pháp an vui bậc nhất, chính là ở đây nói

Bổ Bổ Chú:

Vương Nhung là người nước Tấn, địa vị của ông đến chức Tam công. Một mình nằm ở hội nha, tính toán về tài sản, nhưng không biết đủ. Hạ ốc là nhà lớn

Kinh Thi chép: Hạ ốc là nhà rất lớn là đối với hai pháp không có tự lợi, có tự tha lợi khác nhau.

Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo. Vì người biết đủ luôn được thương yêu nên gọi là biết đủ.

Dục lôi kéo: yêu sắc, mến tiếng không biết thôi đã không tự lợi thì đâu thể yêu thương người khác. Biết đủ có hai điều lợi: Một là không bị năm dục lôi kéo thuộc về tự lợi. Hai là thương yêu người là lợi tha, tâm đã thương yêu thì phải giáo hóa.

Lão Tử nói: Người bất thiện là sự giúp đỡ cho người thiện.

Bổ Bổ Chú:

Biết đủ là thương xót, ý chính là người ngu nầy được người trí thương xót.

Nguyên Sư nói: Thương người là lợi tha, vì phát minh triệt để.

3. Công đức xa lìa có ba:

- Tự tánh viễn ly môn thể xuất.
- Tu tập viễn ly môn phương tiện xuất.
- Thọ dụng các kiến môn thường phược.

a. Tự tánh viễn ly môn thể xuất:

Nếu các Tỳ-kheo muốn cầu vắng lặng, vô vi an lạc, phải lìa chỗ

ồn náo, ở chỗ vắng lặng thì người và Đế-thích, Chư thiện đều kính trọng. Ban đầu tri vô ngã chấp chặt chướng, tức là ba tam-muội.

Vắng lặng: Là nói pháp không, ngã không.

Vô vi: Vì vô tướng không.

An lạc: Vì không lấy bỏ nguyện không.

Lìa ồn náo: Chỉ ở chỗ vắng vẻ để đối trị hai vô tướng chướng kia, tức là tu ba tam-muội. Nhưng người nhớ quá khứ vị lai ở thành thị, triều đình cũng như sông hồ, người nhìn cảnh sống chết ở trong chốn rừng núi như gông cùm. Nay dạy người mới phát tâm phải cầu ở chỗ vắng thì quán sát đạo dễ thành. Các vị trời kính trọng: Dùng vô vi đối trị chướng là công đức bậc nhất, chỗ vắng vẻ là trọng pháp. Đế Thích gọi đủ là đế ca Nhân Đà-la. Hán dịch là Năng chủ, ý nói ngài có khả năng làm thiên chủ đỉnh núi Tu-di, tầng trời thứ hai cõi Dục.

Bổ Bồ Chú: Vô ngã chấp đắm chướng: Vốn vô ngã do chấp nên có ngã, đó gọi là chướng. Các vị trời kính như việc Ngài Tu Bồ-đề ngồi yên.

b. Tu tập viễn ly môn phương tiện xuất :

Cho nên phải bỏ' Bồ Chúng, mình Bồ Chúng người ở một mình lặng chốn vắng tìm cách nhỏ bỏ gốc khổ. Bồ Chúng là bốn vị trở lên. Bồ Chúng mình tức là đệ tử và bạn đồng học của mình, Bồ Chúng người có thể biết. Bỏ những điều này thì xả ngã và ngã sở. Không còn nhóm họp phát sinh. ở một mình chốn vắng lặng: tuệ phương tiện được thành tựu, an trụ đúng pháp. Tìm cách diệt khổ: Thành tựu trí trạch thiện, xa lìa nhân khởi.

Kinh pháp Hoa chép: Các khổ do tham dục làm gốc.

Bổ Bồ Chú: Bồ Chúng có hai nghĩa: Sự tức là đồ Bồ Chúng. Của mình và người theo Lý năm uẩn là Bồ Chúng mình. Tất cả phiền não là Bồ Chúng người, mê chấp năm uẩn gom nhóm các phiền não, chím đắm trong sinh tử, nên phải xa lìa.

c. Thọ dụng các kiến môn thường phược có hai:

- Tự tha tâm cảnh tướng não.

- Lại nói không có tướng xuất ly.

+ Tự tha tâm cảnh tướng não:

Nếu người thích chỗ đồng đảo thì chịu các phiền não. Ví như cây lớn có nhiều chim đậu thì bị họa gãy cành. Tự tha Bồ Chúng là cảnh phiền có công năng làm cho não. Chịu các phiền não, là tâm bị phiền não, tâm bị phiền não thì các chấp phát sinh.

Bổ Bồ Chú hỏi : Lợi tha gọi là Bồ-tát, Độc thiện gọi là Thanh

Văn, vì sao thích chỗ đông đảo phải chịu phiền não.

Đáp: Tử Dư Thị nói: Lỗi của người là thích làm thầy người.

Giải: người Học vấn có dư là giúp ích cho mình, bất đắc dĩ mà nói điều này. vì thích làm thầy người nên thành hoạn, hoạn kia sinh ra ưa thích, hoa nay sinh ra chỗ lạc. Không đúng như tự lợi, tha lợi trồng một cây lớn thì những người trong thiên hạ đến hưởng bóng mát, đó gọi là đại lợi đâu có hoạ.

+ Lại nói không có sự xuất ly.

Người đời bị chìm đắm trong các khổ, như con voi già bị lún bùn sâu không thể lên được. Đó gọi là xa lìa, bị chìm trong phiền não đau khổ, nghiệp nhiễm sinh ra. Voi già dụ cho sự trói buộc, bùn dụ cho các khổ. Voi thân nặng nên lún sâu, vì voi già nên nên trí quan sát yếu, cho nên ở trong bùn không ra được.

Bổ Bổ Chú: Thế gian trói buộc: Ở một mình là pháp xuất thế, ưa chỗ đông người là pháp thế gian.

4. Công đức không mệt mỏi, có hai:

- Y theo pháp môn nói về không lui sụt

- Y theo dụ nói về siêng năng, biếng nhác.

a. Y theo pháp môn nói về không lui sụt:

Này các Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn thì việc gì cũng không khó. Tức không mệt mỏi, thì đối với tất cả pháp hạnh, khéo vào được, đâu giống như ngoại đạo khổ hạnh vô ích.

Bổ Bổ Chú: Đưa nước về châu, cắt thịt lấy dầu thối tịch thành đạo, thế gian xuất thế gian, chẳng việc gì khó. Đâu giống ngoại đạo: Vì nay nói siêng tu chánh đạo.

b. Y theo dụ nói lên siêng năng, biếng nhác, có hai:

Tinh tấn ví như nước chảy mãi.

Biếng nhác ví như đang dùi lửa lại ngừng.

Tịnh tấn như nước chảy mãi:

Cho nên các Tỳ-kheo phải nghĩ đến tinh tấn, như dòng nước nhỏ chảy mãi thì xuyên thủng của đá Vì thành tựu không lui sụt, siêng năng tu tập để nuôi lớn, do tinh tấn không ngừng, như nước chảy không dứt thì mới thủng đá được.

Biếng nhác như đang dùi lửa mà dừng:

Nếu tâm hành giả thường biếng nhác. Thí như dùi lửa chưa nóng mà ngừng, dù muốn được lửa cũng khó được, cho nên phải tinh tấn. Biếng nhác là không tinh tấn, niệm xứ lui sụt không thành tựu được tâm tuệ. Lửa là thánh đạo như lửa, đốt được cỏ mê hoặc. Noãn Đảnh

trở xuống đều là chưa nóng nhiều kiếp cũng không bao giờ đạt được lý, đây là nói về lỗi biếng nhác. Bài tụng kinh Hoa Nghiêm: chép: Như dùi cây lấy lửa, chưa phát lửa đã ngừng thì lửa cũng mất theo, người biếng nhác cũng vậy. Sở kia dùng ba tuệ để nói về biếng nhác. Y Theo văn thì tiếng huân tập thường ngừng nên kiến giải không sinh, y theo từ thì chắc chắn thường dừng chân trí sẽ không sinh, y theo tu thì định tuệ thường dừng thình đạo sinh. Thiên tông của Lục Tổ đều truyền dụ này, mong các người học ghi khắc trong dạ, nhớ nghĩ bên mình.

Bổ Bổ Chú: Tinh tấn có hai nghĩa:

- Sự thì niệm niệm siêng tu.

- Lý thì niệm niệm vắng lặng.

Cho nên nói: Một niệm không sinh là chân tinh tấn thật.

5. *Không quên niệm công đức, có ba:*

a. Nói về không quên

b. Nói về khuyên tu

c. Chỉ bày được mất

Nói về không quên:

Này các Tỳ-kheo! cầu thiện tri thức, cầu khéo giúp đỡ không gì bằng không quên niệm là , nêu lược ba hạnh: Người cầu nghe pháp hạnh, Thiện tri thức có ba thứ:

- Thiện tri thức Giáo thọ.

- Thiện tri thức Đồng hành.

- Thiện tri thức Ngoại hộ.

Nay nói cầu giáo thọ, nghe danh kính đức gọi là Tri, thấy hình kính phụng gọi là Thức. Người ủng hộ bên trong khéo suy nghĩ thực hành. Như nghe mà tư duy giữ gìn không mất. Người trợ giúp đúng như pháp tu hành. Hành là như suy nghĩ mà tu, tức là dùng hành trợ để giải thích cầu khác giúp. Không quên niệm: Kết thành tối thắng, không quên chánh niệm trong ba hạnh là đứng đầu là tối thắng, cho nên nói chẳng gì bằng không quên chánh niệm. Ba hạnh trên cũng gọi là ba Tuệ, tuệ lấy soi sáng làm nghĩa, hạnh là tiến thú là nghĩa, chiếu soi tiến thú đều do không quên chánh niệm. Không có văn tuệ như cái bình lật úp, không đổ nước vào được, không có tư tuệ như cái bình lưng dù đổ nước vào được nhưng không giữ được, không có tu tuệ như bình dơ, dù không chảy nhưng bị dơ không dùng được. Không quên chánh niệm thì đã được kính ngưỡng lại được thanh tịnh.

Cho nên kinh Niết-bàn chép: Bốn pháp là nhân gần của Niết-bàn.

- Gân gũi thiện tri thức.
- Được nghe chánh pháp.
- Suy nghĩ nghĩa lý.
- Tu hành đúng như lời dạy.

Nếu nói khổ hạnh là nhân Niết-bàn thì không có việc đó. Nay hợp hai thứ đầu cho nên thành ba.

Bổ Bổ Chú: Tri thức giúp đỡ có hai:

Tri thức là thầy, giúp đỡ là bạn, người không quên chánh niệm: mới nhận được lời dạy của thầy bạn. Con Người quên chánh niệm dù gặp được thầy tốt bạn lành đến ngày qua đời cũng không ích gì?

Tri thức là nhất tâm, giúp đỡ là ba tuệ. Không quên chánh niệm thì nhất tâm rõ được ba tuệ đầy đủ.

Nói về ngăn được trọng oán:

Nếu có người không quên chánh niệm thì bọn cướp phiền não không xâm nhập được. Vì thường niệm chánh đạo thì bọn cướp phiền não không xâm nhập vào tâm làm hại ba gốc lành.

Bổ Bổ Chú: Ba gốc lành là ba tuệ.

+ Nói về khuyến tu:

Cho nên các Tỳ-kheo! trong tâm thường nhiếp niệm khiến cho chỗ niệm đầu thành tựu được.

+ Chỉ bày được mất, có hai:

Thất niệm thành nhiều lỗi lầm.

Đắc niệm thành nhiều công đức.

1. Thất niệm thành nhiều lỗi lầm:

Nếu người thất niệm thì mất các công đức. Thất niệm nghĩa là có trước không có sau. Không có sau thì mất ba tuệ. Tuệ mất thì quả thánh không đến được.

2. Đắc niệm thành nhiều công đức:

Nếu năng lực niệm vững chắc thì dù vào trong bọn cướp năm dục cũng không quên chánh niệm. Áo giáp dụ cho năng lực niệm, trận dụ cho năm dục.

Bổ Bổ Chú: Như người sắp bị hành hình, đến chỗ vui cũng không vui được cũng không quên sợ chết.

6. Công đức thiền định có ba:

- Nói về định.
- Khuyến tu.
- Nói về lợi ích.

a. Nói về định, có hai:

- Nhiếp niệm năng sinh.

- Định thành có dụng.

+ *Nhiếp niệm năng sinh:*

Này các Tỳ-kheo! nếu người nhiếp tâm, thì tâm ở trong định. Nghĩa là có tám thứ thiền định nhờ nhiếp niệm nên sinh.

Bổ Bổ Chú: Kinh Lăng-nghiêm chép: Nhiếp tâm là giới, nương giới nhiếp định.

+ Định thành thì có dụng:

Nhờ tâm định biết được tướng các pháp thế gian là sinh diệt. Đạt được thiền thì có tác dụng của quả, cho nên biết được pháp tướng sinh diệt. Như lên hư không thấy được muôn hiện tượng ở dưới.

Bổ Chú: Kinh Lăng-nghiêm chép: Nhờ định phát tuệ, tâm trong định không chấp mắc muôn vật. Cho nên nói như lên hư không muôn chẳng chấp vật, ở đây là có công năng chiếu soi vật, cho nên nói dưới thấy được muôn hiện tượng ở dưới. Lại nói, biển cả lắng trong thì thấy được sum la muôn tượng.

b. Khuyến tu:

Cho nên các thầy phải thường tinh tấn tu tập các định, siêng năng đối trị biếng nhác, chẳng tu tập chướng phương tiện. Cho nên biếng nhác có ba thứ: một là biếng nhác không được an ổn. Hai là vô vị biếng nhác. Ba là không biết sợ hãi biếng nhác làm sao tu tập đối trị từng thứ một? Thị hiện tinh tấn tu tập, ăn ngủ điều độ và điều hòa A-na-ba-na, tinh tấn tu tập, biết rõ các định có công đức tuệ chung và dứt sạch các gốc khổ, đây là điều rất ít có. Tinh tấn tu tập, quan sát khổ sinh, già bệnh chết và dùng tinh tấn đối trị.

Bổ Chú: Định có nhiều thứ, như bốn thiền, tám định, mười sáu đặc thắng cho đến Na già đại định.

c. Nói về lợi ích có ba: Pháp, dụ, hợp.

Pháp: Nếu người được định thì tâm không tán loạn, đạt được công đức không còn chỗ đối trị.

Dụ: thí như tiết kiệm nước khéo đắp đê điều.

Hợp: Hành giả cũng vậy, vì nước trí tuệ khéo tu thiền định, làm cho nước tuệ không rỉ chảy, đó gọi là Định. Trí tuệ hợp với tiết kiệm nước, thiền định hợp với đê điều, không chảy hợp với tâm không tán loạn.

Luận chép: Nói khéo tu công đức trên thêm lớn đến thượng thượng. Bốn thiền định phát tuệ biết được pháp tướng sinh diệt ở thế gian.

Bổ Chú: Vì tuệ tu định thì chắc chắn phát tuệ, vì định tu định gọi

thì là si định.

7. Trí tuệ công đức có hai:

- Nói về trí tuệ phá chướng.

- Dụ hiển bốn thứ công đức, về trí tuệ phá chướng, có hai:

+ Y theo có vào trí tuệ mà chỉ bày.

+ Nói về vô tuệ, bác bỏ sai lầm.

Y theo có tuệ mà hiển bày có ba:

- Phá được lý sự hai tướng.

- Khó được thường khiến phòng hộ.

- Khó đắc mà đắc được

- *Phá được hai chướng lý sự:*

Các Tỳ-kheo! nếu có trí tuệ thì không tham đắm năm dục. Tham đắm có hai:

- Sinh tham đắm đối với nghĩa chân thật gọi là lý chướng.

- Sinh tham đắm đối với việc thế gian à sự chướng.

Nếu người có trí tuệ thì không khởi lên hai thứ tham đắm này gọi là phá tướng.

Bổ Chú: Kinh Lăng Nghiêm nói nhờ vọng mà bày chân. Vọng đã vốn không thì chân cũng không lập, đâu có gì đúng chấp.

- *Khó được thường khiến phòng hộ:* Luôn tự tỉnh quán sát không để bị mất trong bất cứ lúc nào, vì thường tu tâm tuệ.

Bổ Chú: Tỉnh sát: Là xét biết hai chướng sự lý, thường tỉnh sát không để các chướng sinh. Hai điều này đều gọi là tâm tuệ.

- *Nói khó được mà được:* cho nên đối với ngã, pháp được giải thoát.

Bổ Chú: Vua Lương Võ Đế đối với Tổ Đạt-ma, con chưa thể xa lìa nhất nghĩa bậc.

Nói về vô tuệ, bác bỏ sai lầm: Nếu người không đạt được như vậy thì chẳng phải đạo nhân. Lại chẳng phải người tại gia cũng không gọi biết là gì. Tâm không có trí tuệ thì chẳng phải đạo nhân, vì hình tướng xuất gia cho nên chẳng phải người tại gia, không thuộc vào hai hình thức đó nên không thể gọi là gì.

Bổ Chú: Gượng gọi là “ông thầy chim chuột”. Tăng Bồ Chúng trong tôn mà có tên chim chuột, thật đáng hổ thẹn.

Dụ hiển bốn thứ công đức có hai:

- Nói về bốn thứ công đức.

- Kết khen công năng chiếu giác.

1. Nói về bốn thứ công đức, có hai là: Dụ và, hợp.

Dụ có bốn: Dụ văn, dụ tư, dụ tu, dụ chứng.

Dụ văn: Nếu người có trí tuệ chân thật thì giống như chiếc thuyền vững mạnh vượt qua biển sinh, già, bệnh, chết; ba điều này rất sâu rộng. Nó nhấn chìm Bồ Chúng sinh, cho nên nói biển. Nghe pháp khởi lòng tin như được chiếc thuyền vững chắc, đều nhờ tư tuệ làm buồm để ngăn gió, mới có lợi ích. Nếu không nhờ hai điều này, thì thuyền dầu chắc cũng vẫn ở bên bờ này.

Bổ Chú: Tín là gốc đạo, là mẹ sanh ra các công đức, cho nên nghe pháp khởi lòng tin mới vào sâu tận gốc đạo, như thuyền lớn rộng chở được hàng hóa và người sang sông.

Dụ tử: Cũng như trong vô minh đen tối được ngọn đèn sáng. Nghe mà không tin thì đối với đạo mờ昧, cho nên tư tuệ dụ cho đèn sáng.

Dụ tu: Tất cả bệnh đều có thuốc trị lành. Thuốc để trị bệnh, như tu tuệ đời đời được mê lầm.

Dụ chứng: Dùng rìu bén chặt đứt cây phiền não, dùng trí dứt hoặc mới chứng được quả Thánh. Trí dứt hoặc dụ cho rìu bén.

Bổ Chú: Theo văn thuyền, đèn, thuốc, rìu đều dụ cho trí tuệ, nay chia thuộc văn, tuệ, tu, chứng rất dễ hiểu.

Hợp: Cho nên các thầy phải dùng tuệ văn tư tu tự làm tăng thêm lợi ích cho mình, tức là chứng quả.

2. Công năng kết khen chiếu giác: nếu người có sự chiếu soi của trí tuệ thì dù là mắt thường nhưng thấy người cũng đúng, gọi là trí tuệ. Bốn công đức tu học, ở phần nội xứ có chiếu giác gọi là minh kiến nhân.

1. Công đức rốt ráo có hai:

Nói về những lời vô nghĩa.

Khuyên tu xa lìa.

Nói về những lời vô nghĩa:: Đây các Tỳ-kheo! Các lời nói vô nghĩa làm cho tâm tán loạn, dù là người xuất gia cũng chưa được giải thoát. Nói những lời vô nghĩa có hai:

Đối với lý chân thật có những lời vô nghĩa.

Đối với việc thế gian nói những lời vô nghĩa. Đối với lý chân thật khởi bốn câu chấp, là một chẳng phải nhiều gọi là nói lời vô nghĩa. Nên biết tự tánh của tâm lìa bốn câu, cho nên khởi chấp cố định là làm nhiều loạn tánh này, cho nên nói tâm này là loạn động.

Câu-na-bạt-đà-la nói: Các luận mỗi phái đều có tư tưởng khác nhau, nhưng lý tu hành thì không hai, người chấp thì có phải trái, người thông đạt thì không tranh luận khác nhau. Đối với pháp nói lời vô nghĩa

còn không thật có, lại để cho người đời khô hài giễu cợt ư? Tuy người xuất gia, hình dung khác tục nhưng tâm chưa chứng được lý đều do hai thứ nói lời vô nghĩa làm cho tâm loạn.

Khuyến tu xa lìa, có hai:

- Tướng Hữu đối xa lìa.
- Vô đối tướng xa lìa.

Tướng Hữu đối xa lìa: cho nên Tỳ-kheo phải mau bỏ tâm loạn nói lời vô nghĩa thì có các tướng công đức kia.

Tướng Vô đối xa lìa: Nếu ông muốn vắng lặng an vui, thì phải khéo dứt hoạn nói lời vô nghĩa, đó gọi là không nói lời vô nghĩa, là không có các tướng công đức kia. Người kết tên không nói lời vô nghĩa, thị hiện thực hành thành tựu thể tánh khác nhau.

Bổ Chú: Thấy có nói lời vô nghĩa thì mau bỏ đi. Thấy các tướng công đức kia, đừng nói năng dứt, chỗ tâm hành diệt, không thấy có nói lời vô nghĩa để bỏ, không có các tướng công đức kia.

Nói về phần công đức sâu xa rốt ráo, có hai:

- Lược nói.
- Giải thích rộng.

Lược nói, có hai:

- + Bồ-tát thường tu công đức.
- + Công đức nói pháp của Như lai.

Công đức Bồ-tát thườngtu: này các Tỳ-kheo đối với các công đức phải nhất tâm lìa bỏ các sự buông lung như lìa bỏ kẻ thù. Chỉ có công đức đã nói trên, người nhất tâm không xen hở, đều chú tâm một chỗ là đối với nghĩa đệ nhất tâm thường tu. Như kẻ thù: Xa lìa hành trái với nhất tâm như xa lìa kẻ thù.

Bổ Chú: Tâm tu đệ nhất nghĩa. Vì muôn hạnh đều quy về viên giác diệu tâm.

Công đức Như lai nói pháp: Đức Thế tôn đại từ bi nói những điều lợi ích đều đến chỗ rốt ráo. Đầu tiên nói pháp độ năm anh em Kiều-trần-như, cuối cùng nói pháp Độ Tu-bạt-đà-la, cho nên lợi ích rốt ráo về giải thích rộng, có hai:

- Công đức thường tu.
- Công đức nói pháp.

Công đức thường tu: Các thầy phải siêng năng thực hành điều này, hoặc ở trong núi, hoặc ở chỗ vắng, hoặc dưới gốc cây, hoặc ở một mình, thường nhớ những pháp mình đã thọ không để quên. Thường tự cố gắng tinh tấn tu các pháp này, không nên để chết vô ích, sau mới

hối tiếc.

Siêng tu: Thị hiện thường tu hành, ở trong núi v.v... ở chỗ vô sự có năm chỗ đều xa lìa ồn ão. Nhớ pháp mình đã thọ: Tu chân thật không có hai niệm, không để quên mất, khiến tu trong hiện tại. Tinh tấn tu những điều này phải dùng phương tiện để tu, không bị chết vô ích: Đối với pháp xứ tương tự dứt hẳn xa lìa tâm thương thượng. Đây là nói vì ưa thích phàm phu nên trong một đời không thể nhập vào dòng thánh, nên gọi là chết vô ích. Đây là răn bảo người đảnh đọa. Về sau tự hối tiếc: Lúc muộn màng mới biết có hối hận, việc cũng không kịp, nghĩa là đến lúc chết mới hối hận.

Tiên Dân có nói: Lúc sắp chết tu điều lành xem ra muộn rồi.

Ngài Trí Giả nói: Có Thiên sự Nghiệp Lạc nổi tiếng khắp nơi, khi ở thì bốn phương kính mến, khi đi thì trăm ngàn thành nhóm, đông người rầm rộ đối với thế gian đâu có ích gì? Đến lúc qua đời đều hối hận.

Bổ Chú: Chết vô ích nhưng hối tiếc có hai:

Ba nghiệp mờ mịt không tu tập, khi chết biết rơi vào đường ác cho nên hối hận.

Được ít cho là đủ, chưa chứng nói chứng, lúc qua đời biết không đạt được quả kỳ cực cho nên hối hận. Nay số nêu ra nặng, còn nhẹ thì tự biết.

Công đức nói pháp: Ta như thấy thuốc biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Lại như vị thầy khéo dẫn đường, hướng dẫn người đi vào đường lành, nghe mà không đi chẳng phải lỗi người hướng dẫn, thầy thuốc dụ cho nói pháp phá được điều ác. Dẫn đường dụ cho nói pháp có công năng sinh radiều lành. Không nhận do Bồ Chúng sinh, không phải lỗi của Phật.

Nói về phần nhập chứng rõ ràng, chia thành ba:

- Môn Phương tiện hiển phát.
- Môn Pháp luân thành tựu.
- Môn Phân biệt công đức.

1. Phương tiện hiển phát môn:

Các thầy nếu đối với. Đế bốn như khổ đế v.v... có những điều nghi nên mau thưa hỏi, không nên ôm mối nghi ngờ mà không cầu thưa hỏi. Bốn Đế là hành giả thường quán sát và nương vào đó để thực hành, cho nên Phật khuyên hãy thưa hỏi. Khổ thì có tám thứ ép ngặt, Tập thì có hoặc nghiệp đưa đến quá báo, Diệt thì được hai thứ giải thoát không còn bị trói buộc, Đạo thì người có ba học đạt được. Đối với những điều này còn nghi thì làm sao quán sát thực hành? nay Phật sắp nhập Niết-bàn

nên Ngài khuyên các đệ tử mau thưa hỏi.

Bổ Chú: Hai nghĩa giải thoát là hai thứ giải thoát:

Tuệ giải thoát.

Câu giải thoát.

Lại một là: giải thoát phiền não; hai là: Giải thoát chướng ngại.

Trên chỉ cho Tiểu thừa, dưới chung cả các Bồ-tát.

2. Pháp luân thành tựu môn:

Bấy giờ, Đức Thế tôn nói lên ba lần như thế, không có vị nào thưa hỏi, vì sao trong Bồ Chúng không nghi. Ba lần xướng thị hiện thành tựu đầy đủ pháp luân, ba lần chuyển pháp chân thật. Không người thưa hỏi: là nói thành tựu chứng pháp đầy đủ. Không nghi: là nói thành tựu công đức đoạn đầy đủ.

Bổ Chú: Như lai biết Bồ Chúng không còn nghi, nên không nói một lần mà nói ba lần, vì tâm Phật đầy lòng đại từ, đại bi, thương xót Bồ Chúng sinh không thôi.

3. Môn phân biệt nói pháp, có hai:

- Lời tựa của người dịch kinh.

- Chánh phân biệt.

Bậc thượng thủ trong Bồ Chúng kia biết được sự thành tựu tâm hành của đại Bồ Chúng biết sở chứng nghĩa chân thật, phân biệt cho họ để trả lời Đức Phật.

a. Lời tựa của người dịch kinh:

Bấy giờ, ngài A-nậu-lâu-đà quán sát tâm đại Bồ Chúng xong bạch Phật rằng: A-nậu-lâu-đà, A-nê-lâu-đậu, cũng gọi A-na-luật đều là một người. Hán dịch là Vô tham, cũng dịch là Vô diệt, cũng gọi là như ý. Ngày xưa, Ngài cúng dường vị bích chi Phật một bữa ăn, được qua lại cõi trời cõi người trong chín mươi mốt kiếp, thường được phước vui, nay cũng không mất sở cầu như ý, vì ba nghĩa này nên có sự phiên dịch khác nhau. Bấy giờ làm thượng thủ trong Bồ Chúng, cho nên quan sát bạch Phật.

b. Chánh phân biệt, có hai:

- Phật nói không khác.

- Tỳ-kheo không còn nghi.

Phật nói không khác: Bạch Đức Thế tôn! mặt trăng có thể nóng lên, mặt trời có thể lạnh đi, Phật nói Bốn Đế không thể khác được. Phật nói khổ đế là có thật khổ, không thể khiến cho vui được. Tập đúng là nhân, không còn có nhân nào khác. Nếu khổ diệt thì nhân diệt, nhân diệt cho nên quả diệt. Đạo diệt khổ thật là chân đạo, không có đạo nào

khác. Trước đem dùng để nói mặt trăng là sao thái âm nên lạnh, mặt trời là sao thái dương nên nóng. Nhưng tính chất của nó không thay đổi, người đời đều biết điều này. Nay nói mặt trăng lạnh, mặt trời nóng, mặt trăng, mặt trời đâu dễ gì thay đổi tính chất, nhưng lời Phật hoàn toàn không thay đổi, khổ không thể biến thành vui, các thứ khổ, vui không thì thay đổi được.

Không còn có nhân nào khác:

Nhân tập chắc chắn vời lấy quả khổ, hoàn toàn không phải nhân đạo vời lấy quả khổ.

Luận chép: Nói khổ diệt mỗi việc tự có nhân, tức là diệt nhân thì dứt được nhân tập. Lại, diệt nhân là Niết-bàn hữu dư. Nhân diệt cho nên quả khổ diệt: Sau này có nhân bất sinh là diệt được quả khổ. Lại, quả diệt là Niết-bàn vô dư. Lại nói không có đạo nào khác. Đạo khác không chân thật, không thể đạt được diệt đế.

Bổ Chú: Mặt trời, mặt trăng là pháp huyễn vọng, cho nên có thể chuyển đổi được. Phật nói lý chân thật, đâu thể thay đổi, do đó, ngược lại âm đổi thành dương, ở đời dễ thay đổi điều này, trái lý, loạn với chân hoàn toàn không có việc đó.

Tỳ-kheo không còn nghi: Bạch Đức Thế tôn! các Tỳ-kheo này đối với pháp Bốn Đế rõ ràng không còn nghi. Rõ ràng: nhân quả khổ vui nhập hạnh rõ ràng. Không nghi: Không khác, không còn nghĩa khác.

Bổ Chú: Không khác: Đuốc sáng là lý này, càng không khác nhau, cho nên không nghi.

Bổ Chú:

Không khác: đuốc sáng là lý này, không hề khác nhau, cho nên không còn nghi.

Vô dư: Những điều này sâu xa của nghĩa này, không còn dự sót cho nên không còn nghi.

Phân biệt chưa nhập thượng thượng chứng, vì dứt nghi chia làm ba:

Nói chưa nhập pháp thượng thượng.

Vì dứt kia và nghi kia.

Nói lại hữu vi là tướng vô thường.

Nói chưa nhập pháp thượng thượng có hai:

- Nói theo chưa

- Nói theo mình

+ Nói theo chưa, có hai

- Kiến diệt có lòng bi.

- Nghe pháp được độ.

Kiến diệt có lòng bi: trong Bồ Chúng này người chưa đắc đạo thấy Phật diệt độ lúc nào cũng đau buồn. Người chưa đắc đạo: là những tu sĩ, cư sĩ và ba quả trước còn tư hoặc cũ, thì họ đều đau buồn.

Bồ Chú: Như người, trời rơi lệ như mưa, A-nan đau buồn.

Nghe pháp được độ: Nếu có người mới vào Phật pháp nghe Phật nói pháp liền được độ. thí như ban đêm thấy ánh chớp là được thấy đạo.

Người mới vào đạo: Tức là người chưa xong việc, kính mong quả tốt cùng, người thông gọi là sơ nhập.

Đắc độ có hai: Nghĩa là từ phạm vào thánh, từ thánh đạt đến chỗ cùng tốt. Lại đem thí dụ để nói kiến đạo thì mau hiểu được nghĩa.

Nói theo mình: Nếu có người việc làm đã xong vượt qua biển khổ, nhưng lại trầm nghĩ vì sao Đức Thế tôn mau diệt độ như vậy?

Việc đã xong: là người ở địa vị vô học, đã hết kiến hoặc tư hoặc, ra khỏi khổ ba cõi. Đối với Tiểu thừa dù gọi đã xong, nhưng thật ra sở tri chướng vẫn còn, thấy Phật diệt độ, mà mình chưa rõ được sinh vốn chẳng sinh diệt, cũng không diệt sinh diệt, tức chẳng sinh diệt.

Bồ Chú:

Như kinh chép: Khổ thay! Bạc Đại Thánh tôn, vì sao Ngài nhập chân như quá mau.

Lại nói: Chư Phật không ra đời cũng không nhập Niết-bàn, thì rõ được ý chỉ bất sinh bất diệt.

Vì dứt những điều nghi kia, có hai:

- Lời tựa của người dịch kinh.

- Chánh dứt nghi.

Lời tựa của người dịch kinh: A-nậu-lâu-đa dù nói lời này trong Bồ Chúng đều thông đạt bốn thánh đế nghĩa. Đức Thế Tôn muốn đại Bồ Chúng này được lòng tin vững chắc, nên ngài dùng từ nói với đại Bồ Chúng. Thánh là chánh vì chánh pháp vô lậu đạt được trong tâm.

Đế có hai nghĩa:

- Đế Phật.

- Thẩm đế.

Giải thích hai nghĩa này như phẩm Tứ thánh Đế. Lại nói cho đại Bồ Chúng: Mượn chỗ cao bù vào chỗ thấp, dựa vào hiện tại dạy những điều chưa đầy đủ.

Luận chép: Như lai thuận tâm bi, cho đến không bảo vệ pháp thượng thượng.

Bổ Chú: Bao trùm cả hàng trung hạ, chẳng phải riêng hạng thượng căn. Ban ân huệ muôn đời, chẳng phải chỉ một lúc.

Chánh dứt nghi có sáu:

- Minh người đều diệt.
- Pháp môn thường trụ.
- Việc lợi tha đã xong.
- Đã độ hết Nói chung.
- Thị hiện nhân duyên.
- Trụ trì nhân quả.

1. Minh và người đều diệt: các Tỳ-kheo không nên đau buồn, nếu ta còn ở đời một kiếp, hội hợp rồi cũng phải diệt. Hội tụ mà không diệt thì không bao giờ có.

Hội tụ cũng phải diệt: Trụ thế tuy lâu, nhưng hội tụ rồi cũng diệt. Hội tụ không diệt thì không thể được. Ở trên nói tự diệt, ở đây nói tha diệt. Đâu phải chỉ có ta mới như vậy mà tất cả đều như thế.

Hội tụ: Đã có hội tụ thì sẽ đến lúc ly tán. Tụ tán có hai:

- Thầy trò tụ tán.
- Năm ấm tụ tán.

Cho nên tất cả đều vô thường.

Bổ Chú: Thầy trò: Ý nói một Bồ Chúng tụ tán, chưa có chủ thường thống lãnh bạn, bạn thường theo chủ.

Năm ấm: Ý nói một thân tụ tán. Sắc ấm do bốn đại hợp lại, thì chắc chắn phải chia lìa. Bốn ấm do vọng niệm khởi thì chắc chắn phải diệt, cho nên nói tất cả đều vô thường.

2. Pháp môn thường trụ: Pháp tự lợi, lợi tha đều đầy đủ. Tự lợi tu nhân được quả. Lợi tha nói pháp giáo hóa Bồ Chúng sinh, đến bậc Thánh dùng lòng từ nói pháp môn, đều đầy đủ. Pháp này thường ở thế gian, Bồ Chúng sinh tự tu học, không cần ta ở đời.

3. Việc lợi tha đã xong: Nếu ta ở đời lâu cũng không ích gì. Pháp đã nói đầy đủ, ta ở đời làm gì?

Bổ Chú: Vô ích có hai:

- Chư Phật trụ thế nói pháp lợi sinh, vì pháp đã đầy đủ, cho nên không lợi ích.

- Nếu Phật ở đời lâu, thì Bồ Chúng sinh không nghĩ Phật khó gặp, cho nên cũng vô ích.

4. Nói chung đã độ hết: Những người đáng độ đã độ hết, hoặc trên cõi trời và nhân gian đều độ hết. Đối với người trời việc tự lợi đã xong, cho nên làm cho các trời người kia tu nhân được quả.

5. Thị hiện nhân duyên: Những người chưa độ cũng đều gây nhân duyên được độ. Những người chưa tu tập nương vào pháp môn bất sinh bất diệt gây nhân duyên được độ. Đó là làm cho hạng căn cơ hạ chủng ở đời vị lai thuần thực, đạt được giải thoát, vì pháp môn còn ở đời thì nên tu học.

Bổ Chú: Thuần thực giải thoát: Gốc lành thuần thực được giải thoát.

6. Nhân quả trụ trì có hai: Đối nhân và Đối quả.

a. Đối nhân: Từ nay về sau các đệ tử của ta xoay vẫn thực hành. Đệ tử thực hành điều này: Phần nhân giữ gìn không mất, sau khi ta diệt độ đệ tử thường nương vào đó tu tập, xoay vẫn truyền trao cho nhau không dứt.

b. Đối quả: Cho nên pháp thân Như lai thường hằng bất diệt. Pháp thân thường hằng: Phần quả giữ gìn không mất để lại pháp cho đệ tử thực hành không dứt mất, tức là năm phần pháp thân của Như lai thường luôn ở đời.

Bổ Chú: Thân Phật dù diệt nhưng Phật pháp thường còn, nương vào pháp tu hành là Phật trụ ở đời.

Nói tướng vô thường hữu vi có hai:

- Nói về hữu vi.
- Dẫn mình làm chứng.

Nói về hữu vi có ba:

- Vô thường cầu giải thoát.
- Dùng trí diệt si.
- Quán thân bất tịnh.

a. Vô thường cầu giải thoát: Cho nên phải biết ở đời đều vô thường, có hợp thì có ly tan, chớ nên đau buồn. Tướng thế gian như vậy, phải nên siêng năng tinh tấn sớm cầu giải thoát.

Luận chép: Thị hiện ở nơi này, khuyên người đời tu hành sinh tâm nhàm chán xa lìa. Phải siêng năng tinh tấn: Đối với tướng hữu vi được giải thoát.

b. Dùng trí diệt si: Dùng ánh sáng trí tuệ xua tan các si mê tối tăm. Lại quán như thật diệt được ngã và ngã sở thấy tận cội nguồn.

Bổ Chú: Si mê tối tăm là vô minh. Phạm phu thấy có ngã cái, thấy này từ vô minh sinh ra. Nếu chẳng phải người trí thì không diệt được.

c. Quán thân bất tịnh: Thế gian thật mong manh, không vững chắc, như các pháp Ấm v.v... đều lống dối.

Dẫn sự tu chứng của mình có hai:

Nói lược mình đã được diệt.

a. Nói lược rộng về tướng tội lỗi.

Nói mình đã được diệt: Ta nay đạt được diệt như trừ được bạo bệnh. Thân năm ấm này như bạo bệnh, đạt được diệt như bệnh hết.

Bổ Chú: Sắc thân Phật nhiệm mầu tức là pháp thân. Nhưng dụ cho ác bệnh, là thị hiện giống phàm để thức tỉnh họ.

b. Nói rộng về tướng tội lỗi: cho nên phải bỏ thêm tội ác này, là vật giả danh làm thân, chìm đắm trong biển sinh, già, bệnh, chết. Có người trí nào dứt trừ được nó, như giết được kẻ thù mà không vui chỉ có người trí mới nhàm chán sinh vui.

Bổ Chú: Thấy thân thường còn thì ưa thích không nhàm chán cho nên ham sống. Thấy thân diệt thì đau buồn không vui, cho quả nên trách sự chết, đó gọi là người ngu. Người trí thì ngược lại.

Lìa các thứ đạt được tự tánh thanh tịnh vô ngã có hai: Đối trị các chướng ngại của tự tánh. 2. và nói về thanh tịnh vô ngã. 1. Đối trị tướng của tự tánh có ba:

- Nói đúng về tuệ chân thật.
- Khuyên siêng năng tu tập.
- Ba cõi vô thường.

a. *Nói đúng về tuệ chân thật:*

Này các Tỳ-kheo! phải nên nhất tâm, biết trong pháp năm ấm các thứ đều là vọng tưởng: Nó đều từ tâm khởi, cho nên tâm làm chủ điều phục cho trụ một chỗ.

Bổ Chú: Hai chữ “nhất tâm” đều tổng kết trên đây, chỉ dạy và nói nhiều pháp môn, lý do nhất tâm làm chủ muôn pháp, cho nên điều phục lại một chỗ thì không có việc gì không thành.

b. *Khuyên siêng năng tu tập:*

Siêng năng cầu đạo ra khỏi sinh tử, dùng một tâm như thật tuệ khó có thể đạt được, cho nên khuyên tinh tấn.

Bổ Chú: Loạn tâm biết sai trái với lý chân thật. Nhất tâm biết đúng như thật lý. Cho nên nói: Như thật tuệ, đạt được tuệ như thế đâu phải dễ, nên nói là siêng cầu. Lại có hai nghĩa:

Về Sự: Theo văn trên chính là một tâm này để cầu đạo ra khỏi sinh tử; Về lý: vì nhất tâm như thật tuệ tức là đạo ra khỏi sinh tử.

c. *Ba cõi vô thường:*

Tất cả thế gian pháp động và bất động đều hư hoại không có sự an ổn, thế gian là nêu chung ba cõi. Động là cõi dục, bất động là cõi Sắc Vô Sắc. Bại hoại không an chỉ cho vô thường là kết thúc.

Bổ Chú: Hai cõi trên tuổi thọ lâu dài. Ngoại đạo cho là bất động, không biết ba cõi đều thuộc về vô thường.

Kinh chép: “Ba cõi không an, giống như nhà lửa”.

Nói về thanh tịnh vô ngã có ba:

- Khuyên dứt ba nghiệp.

- Nói về lúc sắp nhập diệt.

- Nói về dạy bảo, tức là thanh tịnh trong pháp sâu xa.

Khuyên dứt ba nghiệp: “Các thầy hãy im lặng chớ nên nói nhiều” là tịnh khẩu nghiệp, khẩu nghiệp tịnh thì ý thanh tịnh.

Luận chép: Ba nghiệp bất động, tức là tướng vắng lặng vô ngã của A-la-hán.

Bổ Chú:

Hỏi: Vì sao trong đây thiếu thân nghiệp?

Đáp: Dựa vào tôn kính hỏi thì phải đứng dậy khỏi chỗ ngồi, thì theo lời hỏi để trả lời, thân này và miệng thường tương quan nhau, cho nên miệng bất động thì thân cũng bất động. Ba nghiệp thanh tịnh thì thanh tịnh vô ngã, tương ứng là pháp khí.

Nói về lúc sắp nhập diệt: Thời giờ đã đến ta sắp diệt độ. đã đến nửa đêm, cho nên đã đến, biểu hiện cho “Trung đạo”. Trung đạo có hai như trước đã nói. Nay nói Trung lìa đoạn thường, cũng ngầm biểu thị trong Phật tánh. Ngã có ba: Kiến, mạng, và danh tự. Như lai đã diệt hết kiến và mạng, vì thuận theo danh tự thế gian nên gọi là Ngã. Nay thân giả tạm đã diệt thì danh tự cũng không, tức là Niết-bàn vô dư, chân thật vô ngã.

Bổ Chú: Cho nên biết, Phật dùng Trung đạo làm mạng, Trung đạo còn thì Phật còn, Trung đạo diệt thì Phật diệt. An trụ Trong trung đạo tức là mười phương Phật thường trụ.

Nói về lời dạy để lại: Đây là những lời dạy sau cùng của ta năm mươi năm ở đời dạy cho người Tiểu thừa, nay sắp nhập Niết-bàn lại chỉ dạy sơ lược, cho nên nói sau cùng.

Luận chép: Trụ trong pháp tối thắng để lại những lời chỉ dạy.

Bổ Chú: Sau cùng: giống như những điều tuyệt bút của người soạn thuật. Lại nói những điều khi sắp qua đời thì chắc chắn là cần thiết quan trọng. Cho nên Đức Như lai sau cùng hết lòng vì muốn nhiều đời vâng giữ và gìn giữ điều này.

Hỏi: Ở đây đã nói cho người Tiểu thừa, tại sao ở trước nói không được y theo Tiểu cơ thuộc Tạng giáo?

Đáp: Luận chép: Kinh này mỗi lần nói Tỳ-kheo là nói về sự xa

lia, lại nói đạo phương tiện của Đại thừa hai thừa chung với, cho nên biết kinh này chỉ cho người Hai thừa, bên cạnh gồm cả các Bồ-tát. Ở đây nói thế gian dạy cho người Tiểu thừa là nêu ra số nhiều, đây là ý chỉ sâu xa của ngài Mã Minh.

Phật Di giáo Kinh Luận Sơ Tiết Yếu (Hết.)

Phật dạy: Lời ta dụng như chén ở mặt giữa và hai bên đều ngọt Lại nói, những lời giáo hóa cho đời là thật tướng.

Tam Tổ nói: Chí đạo không khó nhưng ngặt một điều là phân biệt, nên nói những điều như thế. Thời nay con người thích huyền diệu, một đại tạng giáo đều thâm nhập lý, tranh nhau luận bàn, truyền tụng sâu xa, đến những điểm bình dị gần gũi nhất cũng đem ra phân tích chi li. Hay chọn những điều hay ở giữa và hai bên và nhìn lại thật tướng không trùm khắp chăng? Than ôi! Lời dặn dò sau cùng dường như còn đọng bên tai để khắc cốt ghi tâm còn báo ân, do đó khắc ghi lời di giáo. Lời bạt của Vân Thê Châu Hoàng ở cổ Hàng.

